

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019







Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tên tiếng Anh: FECON CORPORATION

Tên viết tắt: FECON

Giấy đăng ký kinh doanh:

Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
lần đầu ngày 18/6/2004

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 62690481

Email: info@fecon.com.vn | **Website:** www.fecon.com.vn

FECON

fecon.com.vn

Thông điệp của CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty FECON,

Năm 2019 đánh dấu chặng đường 15 năm trưởng thành của Công ty Cổ phần FECON. Suốt hành trình 15 năm qua, với sự đồng tâm nhất trí và nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, cùng sự ủng hộ, tín nhiệm của Quý cổ đông và đối tác, FECON đã đạt được những thành tích to lớn, là doanh nghiệp hàng đầu về thi công nền móng, công trình ngầm; từng bước chuyển mình trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam.

Năm 2019, các doanh nghiệp xây dựng nói chung và FECON nói riêng phải đối mặt với nhiều thách thức do tình hình đầu tư công suy giảm, thị trường xây dựng hạ tầng gặp nhiều khó khăn. Công ty đã rất nỗ lực để giữ thị phần, giữ tốc độ tăng trưởng doanh thu trong môi trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Kết thúc năm 2019, Doanh thu hợp nhất của Tập đoàn đạt 3.092 tỷ đồng, tăng trưởng 9% so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 212 tỷ đồng. Trong lĩnh vực xây dựng, năm 2019 đánh dấu bước đi mạnh mẽ của FECON vào mảng xây dựng Dân dụng & Công nghiệp với vai trò là nhà thầu chính/tổng thầu. Các dự án đã hoàn thành và tạo lập uy tín tốt như: Đại học Phenikaa Hà Nội, dự án Empire City TP HCM, dự án Gamuda City TP HCM, dự án Logistic Thăng Long Hưng Yên, dự án Trường Liên cấp Wellspring Hà Nội... Cùng với đó là nhiều dự án lớn đang triển khai như dự án Metro line 3 Hà Nội, KĐT Hoa Sen Đại Phước Đồng Nai, Cảng Vĩnh Tân Đồng Nai, Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn Bà Rịa Vũng Tàu, Nhiệt điện Nghi Sơn 2 Thanh Hóa, Nhà máy nước thải Yên Xá Hà Nội, dự án Lotte Mall Hà Nội, các dự án này sẽ hoàn thành trong năm 2020 và 2021...

Trên thị trường quốc tế, năm 2019, Công ty đã tham gia một số gói thầu tại dự án Cầu Bago, dự án cảng quốc tế Sittwe tại Myanmar. Có thể thấy, trong xu hướng mở rộng kinh doanh sang các nước trong khu vực, Myanmar và một số nước đang phát triển như Bangladesh, Campuchia hay Philippines đang cho thấy là những thị trường đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam đã khẳng định được uy tín trên thị trường quốc tế.

Trong lĩnh vực đầu tư dự án, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 chính thức vận hành thương mại vào ngày 18/6/2019, là dự án đầu tư năng lượng đầu tiên của FECON trong chiến lược "đi bằng hai chân" - triển khai song song hai mảng là Đầu tư và Thi công. Đây là một dấu mốc quan trọng giúp FECON củng cố niềm tin để quyết liệt thực hiện chiến lược đầu tư của mình trong đó tập trung trọng điểm vào lĩnh vực hạ tầng năng lượng tái tạo, hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp với kỳ vọng sẽ mang lại cho Công ty sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Nhằm hoạch định cho 5 năm tiếp theo và tầm nhìn 2030, chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025 chính thức được ra đời với sự tham gia tư vấn của KPMG và các chuyên gia chiến lược. 5 lĩnh vực kinh doanh chiến lược bao gồm: Nền và móng; Công trình ngầm; Hạ tầng; Xây dựng và Đầu tư dự án. FECON xác định tầm nhìn là trở thành Nhà thầu và Nhà đầu tư uy tín theo chuẩn quốc tế sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm với mục tiêu doanh thu 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 825 tỷ đồng vào năm 2025.

Đầu năm 2020 đến nay, đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, đặt ra những thách thức to lớn đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây dựng hạ tầng và năng lực điều hành vững vàng của Ban lãnh đạo công ty, FECON đã và đang vượt qua cơn bão Covid-19 khi liên tiếp trúng thầu nhiều dự án với giá trị hợp đồng lớn như dự án Cảng Vĩnh Tân Đồng Nai thuộc Tập đoàn Hòa Phát, dự án Khu công nghiệp - Cầu cảng Phước Đông Long An, dự án hạ tầng Khu đô thị Lotus Đại Phước Đồng Nai, Nhà máy điện gió Cầu Đất Đà Lạt và đang đàm phán vòng cuối cùng với 3 dự án điện gió khác, hứa hẹn tổng giá trị hợp đồng ký mới tăng thêm trên 2.000 tỷ đồng cho đến hết quý II năm 2020.

Với sự nỗ lực tạo thuận lợi về chính sách của Chính phủ trong thu hút đầu tư, Luật PPP chuẩn bị ra đời, đặc biệt ngay sau giãn cách do Covid, Chính phủ đã có các quyết định quan trọng nhằm đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, tạo thuận lợi cho các dự án cơ sở hạ tầng và năng lượng đang và sẽ triển khai trong năm nay, cùng với kết quả tích cực của việc kiểm soát đại dịch Covid-19, Việt Nam đã trở thành điểm đến tin cậy cho các Nhà đầu tư. Tôi tin tưởng rằng năm 2020 và những năm tiếp theo sẽ chứng kiến sự phục hồi của ngành xây dựng hạ tầng Việt Nam sau 04 năm trầm lắng và FECON sẽ là một trong những doanh nghiệp được hưởng lợi tích cực từ xu thế này.

Trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp đều phải giảm kế hoạch doanh thu lợi nhuận so với năm trước, Ban lãnh đạo Công ty FECON vẫn xác định kế hoạch tăng trưởng cho năm 2020 với mục tiêu doanh thu hợp nhất 4.000 tỷ đồng – tăng trưởng 29,4% và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 233 tỷ đồng – tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Chúng tôi xác định năm 2020 và 2021 là hai năm bản lề giúp FECON triển khai thành công chiến lược 2020-2025, đưa FECON trở thành tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam. Với sự ủng hộ của Quý vị cổ đông, sự đồng tâm nhất trí, nỗ lực không ngại gian khổ của toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống FECON, tôi tin tưởng chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

Trân trọng cảm ơn các Quý vị Cổ đông và toàn thể anh chị em cán bộ, nhân viên FECON.

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



PHẠM VIỆT KHOA

Mục lục

DẤU ẤN CỦA NĂM

- 10. Những con số ấn tượng năm 2019
- 14. 10 thành tựu tiêu biểu năm 2019

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

- 20. Thông tin chung về công ty
- 22. Lịch sử phát triển của công ty
- 27. Lĩnh vực kinh doanh
- 28. Mô hình tổ chức & nhân sự
- 38. Con người là nguồn lực quan trọng nhất

BỨT TỐC THÀNH CÔNG

- 44. Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 56. Chiến lược Tập đoàn, giai đoạn 2020 - 2025
- 58. Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 52. Báo cáo quản trị rủi ro
- 64. Báo cáo phát triển bền vững

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 72. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 75. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 76. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 78. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 79. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





PHẦN 01

DẤU ẤN CỦA NĂM

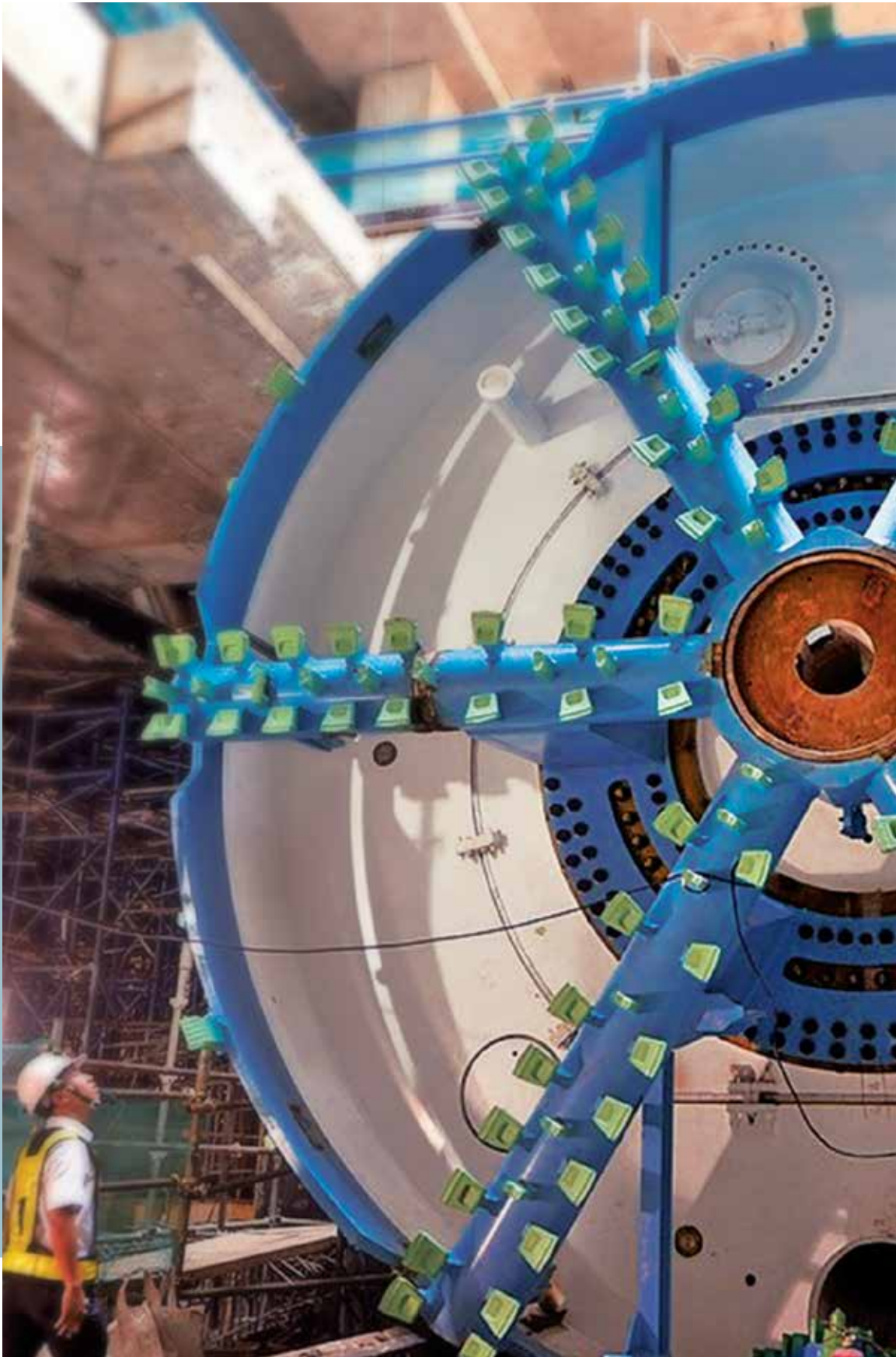
01

Trang 10

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2019

Trang 14

10 THÀNH TỰU TIÊU BIỂU NĂM 2019



NHỮNG CON SỐ
ẤN TƯỢNG NĂM

2019



5.647 TỶ
tổng tài sản




**18 ĐƠN VỊ
THÀNH VIÊN**

trong đó
13 công ty con,
5 công ty liên kết

212 TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận
sau thuế



1.195 TỶ ĐỒNG
vốn điều lệ



3.092
tỷ đồng
doanh thu



1.483
Cán bộ,
công nhân viên



CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

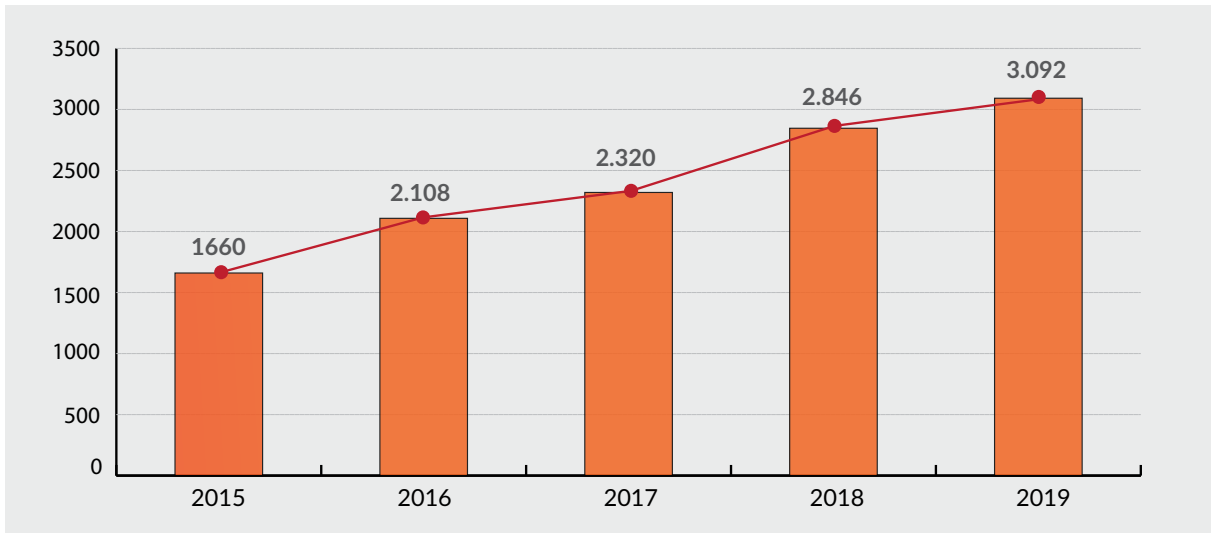
KẾT QUẢ HĐKD	2015	2016	2017	2018	2019	TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN (%)
Doanh thu	1.661	2.108	2.320	2.846	3.092	17%
Lợi nhuận gộp	290	333	337	428	434	11%
Lợi nhuận trước thuế	188	211	222	306	277	10%
LN sau thuế	155	176	178	249	212	8%
LN thuộc về cổ đông công ty mẹ	142	155	167	246	201	9%

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

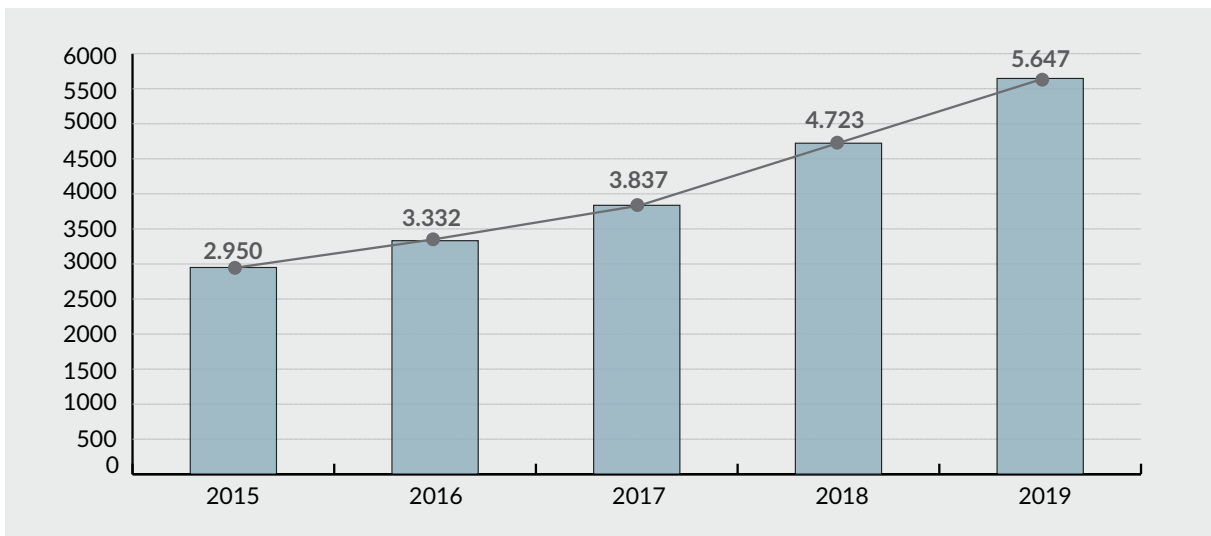
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2015	2016	2017	2018	2019	TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN (%)
Tổng tài sản	2.950	3.332	3.838	4.723	5.647	18%
Tài sản ngắn hạn	1.957	2.246	2.857	3.651	4.502	23%
Tài sản dài hạn	993	1.086	981	1.072	1.146	4%
Nợ ngắn hạn	1.295	1.283	1.798	2.172	2.804	21%
Nợ dài hạn	659	815	652	617	388	-12%
Vốn chủ sở hữu	996	1.234	1.387	1.934	2.456	25%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	219	264	231	130	256	4%

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	2015	2016	2017	2018	2019
Tỷ lệ lợi nhuận					
Doanh thu/Tổng tài sản	56%	63%	60%	60%	55%
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu	17%	16%	15%	15%	14%
EBIT/ Doanh thu	15%	14%	13%	14%	12%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	11%	10%	10%	11%	9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	9%	8%	8%	9%	7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	15%	14%	13%	13%	9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5%	5%	5%	5%	4%
Thanh khoản					
Tỷ lệ thanh toán hiện hành (lần)	1,51	1,75	1,59	1,68	1,60
Tỷ lệ thanh toán nhanh (lần)	1,21	1,50	1,36	1,44	1,36
Đòn bẩy tài chính					
Nợ/ VCSH (lần)	1,95	1,69	1,77	1,44	1,30
Tổng tài sản/VCSH (lần)	2,95	2,70	2,77	2,44	2,30
Vốn điều lệ					
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	457	477	544	943	1.195

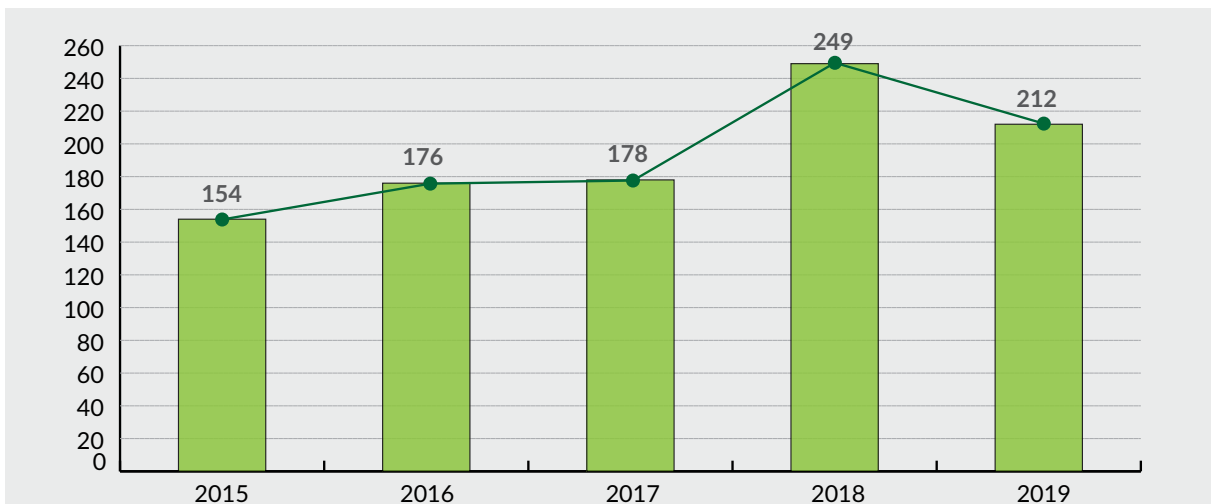
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



10 THÀNH TỰU TIÊU BIỂU NĂM 2019



01 TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU TRONG BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG XÂY DỰNG GẶP RẤT NHIỀU KHÓ KHĂN

Năm 2019, các doanh nghiệp xây dựng nói chung và FECON nói riêng gặp nhiều khó khăn do thị trường xây dựng hạ tầng suy giảm. Tuy nhiên, FECON vẫn giữ được thị

phần và tăng trưởng ổn định về doanh thu. Kết quả kinh doanh 2019, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 3.092 tỷ đồng, tăng trưởng 9% so với năm 2018. Kết quả này đạt được là do trong năm, nhiều dự án lớn được triển khai và bắt đầu mang về doanh thu. Trong đó, tiêu biểu nhất là Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn Bà Rịa Vũng Tàu, cùng với các dự án lớn khác như Nhiệt điện Nghi Sơn 2 Thanh Hóa, Nhà máy nước thải Yên Xá Hà Nội ...

02 KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ NHÀ THẦU CHÍNH TRONG MẢNG XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Năm 2019 đánh dấu bước đi mạnh mẽ của FECON vào mảng xây dựng Dân dụng & Công nghiệp với vai trò là nhà thầu chính/tổng thầu. Các dự án đã hoàn thành và tạo lập uy tín tốt như Đại học Phenikaa Hà Nội, Empire City Tp HCM, Gamuda City TP HCM, Logistic Thăng Long Hưng Yên, Trường Liên cấp Well spring Hà Nội... Cùng với đó là nhiều dự án lớn đang triển khai như dự án KĐT Hoa Sen Đại Phước Đồng

Nai, Cảng Vĩnh Tân Đồng Nai, đang bắt đầu triển khai vào những tháng cuối năm 2019 và sẽ hoàn thành trong nửa đầu năm 2020... Chiến lược của FECON trong 5 năm tới là đẩy mạnh phát triển mảng xây dựng công nghiệp với vai trò nhà thầu chính hoặc tổng thầu dựa trên năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm, nâng cao nội lực quản lý dự án; đồng thời, hợp tác liên kết với các công ty xây dựng trên nguyên tắc cộng lực để làm lớn. Điều này sẽ giúp FECON dần chuyển đổi từ vai trò nhà thầu phụ sang nhà thầu chính, tránh được các rủi ro thanh toán, nâng cao vị thế tại mỗi dự án nói riêng và trên thị trường xây dựng nói chung.

03. NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC BẰNG VIỆC THÀNH LẬP CÁC BAN THUỘC TẬP ĐOÀN VÀ 4 CÔNG TY THÀNH VIÊN MỚI

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn, FECON thành lập thêm các Ban trực thuộc Công ty mẹ như Ban Xây dựng Công nghiệp 2, Ban Phát triển dự án và Ban Trợ lý quản trị. Đồng thời, để đưa toàn bộ lực lượng sản xuất trực tiếp về các đơn vị thành viên, Tập đoàn cũng thành lập 4 công ty bao gồm Công ty CP Cọc khoan và kết cấu ngầm (FDB), Công ty CP FECON Trung Chính, Công ty CP Thi công cọc số 1 FECON (FCPL1) và Công ty Cổ

phần thi công cọc và xây dựng FECON (FPL). Năm 2019, hầu hết các công ty này đều có kết quả kinh doanh khả quan, đóng góp lợi nhuận cho Tập đoàn. Nói cách khác, mô hình hoạt động của FECON đã có sự chuyên môn hoá rõ rệt, lực lượng lao động trực tiếp được đưa về các công ty thành viên để đảm nhiệm các công việc mang tính chuyên sâu. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chú trọng công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo và lực lượng quản lý dự án chuyên nghiệp. Thông qua các Chương trình đào tạo như FLF và PMP, các cán bộ nguồn đã được trang bị nguồn lực để sẵn sàng cho vai trò nhà thầu chính & tổng thầu thay vì một nhà thầu chuyên môn như trước đây.

04. HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA FECON VÀ RAITO KOGYO (NHẬT BẢN)

Ngày 4/4/2019, Công ty CP FECON và Tập đoàn Raito Kogyo (Nhật Bản) đã ký kết hợp tác chiến lược toàn diện. Theo đó, bên cạnh việc đầu tư để sở hữu 19% vốn điều lệ công ty FECON mẹ (FCN) và 36% vốn điều lệ Công ty công trình ngầm FECON (FCU), RAITO cũng tăng cường phát triển mảng công trình ngầm và xử lý nền bằng công nghệ tiên tiến, song song với việc triển khai mảng kinh doanh mới sử dụng công nghệ

bảo vệ mái dốc đã áp dụng thành công tại Nhật Bản thông qua hợp tác toàn diện với FECON tại Việt Nam. Đây là bước đi quan trọng có tính quyết định của FECON liên quan đến mảng công trình ngầm đô thị, xử lý nền đất và phòng chống sạt lở các công trình đi qua khu vực miền núi, các công trình hạ tầng ven sông ven biển đang có nhiều nguy cơ sạt lở do biến đổi khí hậu. Đồng thời mở ra các cơ hội hợp tác mới, nâng mối quan hệ đối tác giữa FECON và Raito Kogyo lên một tầm cao mới, từ đối tác kinh doanh theo chuyên ngành hẹp lên đối tác chiến lược toàn diện.

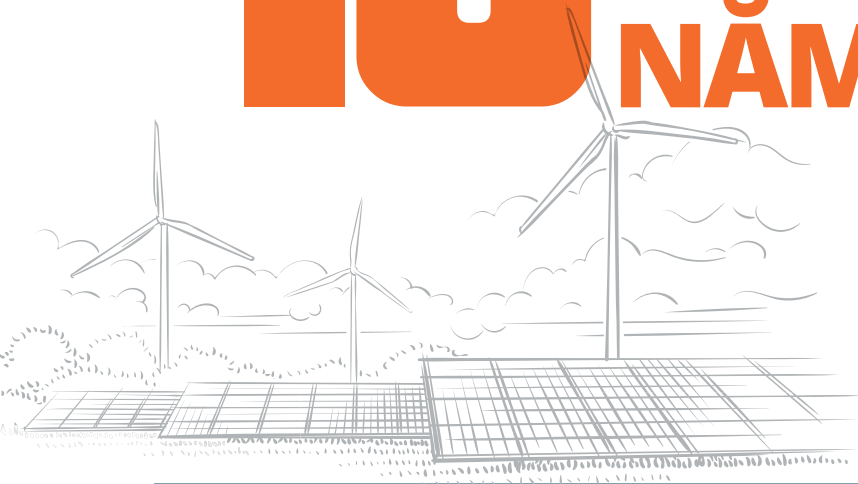
05. HOÀN THÀNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC MỚI, GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

Chiến lược FECON giai đoạn 2020 – 2025 chính thức được ra đời sau thời gian làm việc với sự tư vấn của KPMG và các chuyên gia chiến lược. 5 lĩnh vực kinh doanh chính thức được FECON công bố bao gồm: Nền và móng; Hạ tầng, Công trình ngầm; Xây dựng và Đầu tư dự án. Các mảng này sẽ được dẫn dắt bởi các “Tur lệnh” là các Phó Tổng giám đốc/Lãnh đạo phụ trách các mảng chuyên môn phù hợp. Theo đó, bên cạnh 3 mảng kinh doanh cốt lõi vẫn được giữ nguyên là Nền và móng; Công trình ngầm; Hạ tầng, FECON đang dần chuyển mình từ

một nhà thầu phụ thành một tổng thầu xây dựng Công nghiệp và Dân dụng; đồng thời thúc đẩy mạnh đầu tư dự án, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo; các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp và khu đô thị.

Với mục tiêu danh tiếng là trở thành Nhà thầu và Nhà đầu tư uy tín theo chuẩn quốc tế sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm, FECON đặt ra các mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ cùng với các chương trình hành động cụ thể để về đích 2025 với doanh thu 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 825 tỷ đồng. Việc ra mắt Chiến lược mới khẳng định mạnh mẽ định hướng trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025 và tầm nhìn 2030.

10 THÀNH TỰU TIÊU BIỂU NĂM 2019 (tiếp)



06

06. TRÚNG THẦU NHIỀU DỰ ÁN TẠI THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI

Trong bối cảnh ngành xây dựng trong nước khó khăn như hiện nay, năm 2019, FECON đã đẩy mạnh phát triển thị trường nước ngoài. Năm vừa qua, FECON đã trúng nhiều gói thầu thuộc các dự án lớn như cầu Bago, Cảng Sittwe tại Myanmar, tham gia cùng RAITO KOGYO (Nhật Bản) tại dự án đường sắt Bắc Nam thủ

đô Manila, Philippines. Ngoài ra, FECON cũng đang theo đuổi một loạt dự án cầu đường bộ, cảng và đường sắt, đa phần trong số đó là các dự án vốn ODA Nhật Bản tại 2 quốc gia này. FECON kỳ vọng sẽ ký được tối thiểu 20 triệu USD doanh số từ các dự án tại Myanmar và 10 triệu USD từ các dự án Philippines trong năm 2020. Các dự án mới tại Myanmar và Philippines mà Công ty đang thực hiện, dự kiến cho tỷ suất lợi nhuận ròng từ 15% - 20%, cao hơn so với các dự án tại Việt Nam.



07

07. TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH NĂNG LỰC TRONG LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH NGẦM

Với việc là nhà thầu Việt Nam đầu tiên vận hành thiết bị đào hầm TBM tại dự án Metro Line 1 TPHCM trong năm 2017 - 2018, FECON đã có cho mình một bước đệm vô cùng vững chắc trên con đường trở thành nhà thầu chính có đầy đủ năng lực để đảm nhận các khâu trong việc xây dựng, thi công một dự án Metro. Năm 2019, FECON tiếp tục là nhà thầu thực hiện các gói thầu thi công tường chắn và xử lý nền tại các ga ngầm thuộc dự án Metro Line 3 Hà Nội đoạn Nhổn - Ga Hà Nội. Đây được coi là một thử thách mới đối với

FECON khi lần đầu tiên, Công ty áp dụng công nghệ Jet Grouting với góc khoan lên tới 45 độ. Bên cạnh đó, năm 2019, 17 kỹ sư và công nhân của FECON đã được tham gia khóa đào tạo nâng cao về vận hành máy khoan hầm TBM tại Học viện đào tạo khoan hầm (TTA) tại Malaysia. Đây sẽ là lực lượng trực tiếp tham gia vào các dự án Công trình ngầm của FECON như dự án thoát nước Yên Xá 1, Metro Line 3 Hà Nội trong thời gian tới. FECON đã sẵn sàng nguồn lực cho thi công các công trình đào hầm bằng máy TBM cho các dự án đường sắt đô thị tại Việt Nam khi sở hữu máy khoan hầm TBM của Nhật Bản đã được sử dụng cho tuyến hầm Bến Thành - Suối Tiên (thuộc dự án Metro Line 1 TP Hồ Chí Minh).



08. ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH HẢO 6 ĐÓNG ĐIỆN ĐÚNG KẾ HOẠCH

Ngày 18/6/2019, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 chính thức được công nhận hành thương mại. Được khởi công từ tháng 10/2018, trải qua hơn 8 tháng thi công, Vĩnh Hảo 6 là dự án đầu tiên ở Bình Thuận hoàn tất kiểm tra điều kiện và đóng điện ngày 7/6/2019 và hoàn tất thủ tục COD vào ngày 18/6/2019. Vĩnh Hảo 6 cũng đã hoàn thành mục tiêu “cán đích” trước hạn 30/6 để được hưởng mức giá ưu đãi 9,35 cent/kWh cho 20 năm vận

hành dự án. Với tổng vốn đầu tư 1.249 tỷ đồng, trên diện tích 60 ha với công suất thiết kế 50 MWp, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 là dự án đầu tư năng lượng đầu tiên của FECON trong chiến lược “đi bằng hai chân” - triển khai song song hai mảng là Đầu tư và Thi công và là một dấu mốc quan trọng giúp FECON củng cố niềm tin và tiến một bước sâu hơn, quyết liệt hơn nhằm hiện thực hóa chiến lược đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng năng lượng trong 5 năm tới. Ở thời điểm hiện tại, Công ty đầu tư năng lượng FECON (FCP) đang nghiên cứu triển khai 3 dự án điện gió và 2 dự án điện mặt trời, tổng công suất khoảng 500MW.

09. TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI NGHỊ GEOTEC HANOI 2019

Hội nghị quốc tế GEOTEC HANOI 2019 với chủ đề “Địa kỹ thuật vì sự phát triển hạ tầng bền vững” đã diễn ra thành công từ ngày 28-29/11/2019 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội. Được tổ chức vào các năm 2011, 2013 và 2016, Hội nghị GEOTEC HANOI đã dần trở thành sân chơi uy tín dành cho các nhà khoa học trong lĩnh vực địa kỹ thuật trên toàn thế giới. Hội nghị GEOTEC HANOI 2019 ghi nhận những con số “kỷ lục” mới như 260 báo cáo tóm tắt được gửi về xoay quanh chủ đề của

hội nghị; hơn 800 chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và 40 quốc gia và vùng lãnh thổ đã tới tham dự; nhận được sự ủng hộ của 10 nhà tài trợ, trong đó có 02 nhà tài trợ kim cương, 03 tài trợ vàng, 2 tài trợ bạc, 1 tài trợ đồng và 2 nhà tài trợ hỗ trợ; gần 50 gian hàng triển lãm được đăng ký ... Điều này đã chứng tỏ sức hút của GEOTEC HANOI 2019 - Hội nghị Quốc tế mà FECON tự hào là nhà tổ chức, cũng như tạo cầu nối giúp các nhà khoa học, chuyên gia, kỹ sư địa kỹ thuật, xây dựng tại Việt Nam tiếp cận gần hơn với những chuyên gia cũng như công nghệ hàng đầu thế giới.

10. SỰ KIỆN KỶ NIỆM 15 THÀNH LẬP - ĐIỂM NHẤN VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Phát huy truyền thống xây dựng văn hóa doanh nghiệp của 15 năm xây dựng và trưởng thành, năm 2019, bên cạnh các hoạt động xã hội như: Hiến máu nhân đạo; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân ngày 27/7; tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó... Công ty đã thúc đẩy hoạt động lan tỏa giá trị cốt lõi của doanh nghiệp thông qua các hoạt động nội bộ. Điểm nhấn trong số đó là chương trình “FECON 15 năm – Sẵn sàng bút phá”. Với chuỗi hoạt động được triển khai từ cuối năm 2018 như Cuộc thi viết “Tôi yêu FECON”

mùa thứ 2, Hội thao mùa xuân - diễn ra từ tháng 3/2019 trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam; Tour công trường và hành trình của lá cờ “Tôi yêu FECON” - mang trái tim FECON đến với các anh em đang ngày đêm làm việc trên công trường, chương trình “Chào đón bạn về nhà” với sự tham gia 100 anh em – là những công nhân, kỹ sư ở công trường ít hoặc chưa có điều kiện về trụ sở công ty; cho đến sự kiện được chờ đợi nhất – Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập công ty diễn ra vào ngày 17/6 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội, chưa bao giờ, người FECON trên khắp cả nước lại được xích lại gần nhau đến thế. Tất cả đã tạo nên một “FECON 15 năm – Sẵn sàng bút phá” khó quên trong năm 2019.

PHẦN 02

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

Trang 20

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Trang 22

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Trang 27

LĨNH VỰC KINH DOANH

Trang 28

MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Trang 38

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ





▶ TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.



▶ SỨ MỆNH

FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.

▶ TRIẾT LÝ KINH DOANH FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: Ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

CÁC DẤU MỐC LỊCH SỬ

✓ Ra đời ngày **18/6/2004**

✓ Khởi đầu bằng nghề ép cọc tại các dự án: Big C, Melinh Plaza và Siêu thị Metro 2

✓ Bắt đầu tham gia các dự án của nước ngoài, đặc biệt là các dự án Nhật Bản

✓ **93 nhân sự**

✓ Áp dụng công nghệ sản xuất cọc mang Thương hiệu FECON Pile tại Nhà máy FECON Pile (Hà Nam)

✓ Áp dụng công nghệ ép cọc bằng robot

✓ FECON Mining – Nhà máy sản xuất cọc – là công ty con đầu tiên ra đời

✓ **407 nhân sự**

✓ Áp dụng công nghệ xử lý nền bằng phương pháp cố kết chân không

✓ Thành lập thêm 2 công ty con: FECON GH, Viện Nền móng và Công trình ngầm

✓ Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị quốc tế GEOTEC Hà Nội, gây tiếng vang lớn và định kỳ tổ chức vào các năm 2013, 2016, 2019 sau đó

✓ **748 nhân sự**

2004 – 2006

2007 – 2008

2009 – 2011

- ✓ Thành lập FECON Nghi Sơn, FCI, FCU
- ✓ Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán với mã giao dịch: FCN
- ✓ Dự án đầu tư đầu tiên: BOT Quốc lộ 1 – Đoạn tránh TP. Phú Lý
- ✓ 6 công ty thành viên
- ✓ **1.330 nhân sự**

- ✓ Đổi tên thành Công ty CP FECON
- ✓ Thành lập FECON Rainbow (Myanmar), FCS, RFI
- ✓ Công ty VN đầu tiên hoàn tất việc chuyển nhượng 20% cổ phần cho đối tác nước ngoài (Nexco, Jexway - Nhật Bản) tại dự án BOT Phú Lý
- ✓ Nhà thầu VN đầu tiên vận hành robot khoan hầm TBM tại dự án Metro Line 1 TPHCM
- ✓ 9 công ty thành viên
- ✓ **1.856 nhân sự**

- ✓ Khởi công Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 và bắt đầu dự án đầu tư đầu tiên ở mảng năng lượng
- ✓ Ra đời chiến lược kinh doanh mới theo 5 lĩnh vực chính
- ✓ Thành lập FCPL1, FDB, FECON Trung Chính (Myanmar) và FPL, FMS
- ✓ Rút vốn khỏi nhà máy sản xuất cọc tại Hà Nam
- ✓ 18 công ty thành viên
- ✓ **1.483 nhân sự**

2012 – 2014

2015 – 2017

2018 – 2020





► GIỚI THIỆU ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

STT	ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH NGẦM FECON (FCU)
1A	Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến RAITO FECON (RFI)
2	CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ FECON (FC I&U)
2A	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng (FCC)
2B	Công ty TNHH thi công xây dựng đường bộ FCI (FCI ROAD)
3	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG FECON TRUNG CHÍNH MYANMAR
4	CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NỀN VÀ XÂY DỰNG FECON (FECON S&C)
4A	Công ty Cổ phần FECON Miltec
5	CÔNG TY CỔ PHẦN FECON SOUTH
6	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FECON (FECON POWER)
6A	Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6
7	CÔNG TY CP XÂY DỰNG NỀN MÓNG FECON – RAINBOW (YANGON, MYANMAR)
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ FECON (FMS)
9	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON HẢI ĐĂNG
10	CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC FECON SỐ 1 (FCPL1)
11	CÔNG TY CỔ PHẦN CỌC KHOAN VÀ KẾT CẤU NGẦM (FDB)
12	CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC VÀ XÂY DỰNG FECON (FPL)
13	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (FECON MINING)

13

18

1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH NGẦM FECON (FCU)

Công ty cổ phần công trình ngầm FECON (FCU) thành lập ngày 24/12/2014 với sự tham gia của các đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và Nhật Bản, là Công ty chuyên về thi công xây dựng công trình ngầm tại khu vực đô thị như thi công công trình hầm Metro, thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền đất yếu trong thi công công trình ngầm bằng các công nghệ đặc biệt như Jet Grouting, Chemical Grouting, TAM Grouting.

1a

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT TIẾN TIẾN RAITO FECON (RFI)

Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến RAITO - FECON (RFI) được thành lập vào tháng 9/2017, dựa trên thỏa thuận hợp tác giữa Công ty cổ phần FECON và Công ty Raito Kogyo (Nhật Bản). Công ty RFI hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xử lý nền bằng phương pháp khoan phụt vữa áp lực cao đường kính lớn và khoan phụt hoá chất, gia cố chống thấm cho công trình.

2

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ FECON (FC I&U)

Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON được thành lập vào tháng 12/2013 với mục đích nắm bắt và đón đầu các cơ hội đầu tư về hạ tầng. FC I&U hoạt động trong lĩnh vực chính là: Phát triển dự án đầu tư hạ tầng; Thi công các dự án hạ tầng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật, đầu tư và phát triển các dự án đô thị...

2a

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG (FCC)

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC được thành lập trên cơ sở liên kết vốn giữa 3 công ty: Công ty Cổ phần FECON, Công ty cổ phần xây dựng

Coteccons (COTECCONS) và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) nhằm tận dụng thế mạnh, năng lực cũng như kinh nghiệm của 3 đơn vị trong việc triển khai xây dựng các dự án về hạ tầng để thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng theo hình thức PPP, BOT, BT...

2b

CÔNG TY TNHH THI CÔNG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ FCI (FCI ROAD)

Tiền thân là Công ty Cổ phần FECON – BMT được thành lập ngày 05/05/2015, với công việc chính là phục vụ thi công các công trình hạ tầng giao thông bằng công nghệ tiên tiến nhất, đặc biệt là các sản phẩm kết cấu áo đường và bê tông Asphalt. Ngày 11/12/2017, FCI&U đã chính thức hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của BMT và sở hữu 100% vốn, đồng thời đổi tên Công ty Cổ phần FECON – BMT thành Công ty TNHH MTV Thi công Đường bộ FCI.

3

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG FECON TRUNG CHÍNH MYANMAR

Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa 2 công ty: Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính. FECON Trung Chính Myanmar có nhiệm vụ đón đầu các cơ hội dự án hạ tầng giao thông ODA Nhật Bản tại Myanmar, trong đó gần nhất là 3 dự án cầu lớn, 2 dự án cảng & 1 dự án nâng cấp cải tạo đường sắt Yangon - Mandalay.

4

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NỀN VÀ XÂY DỰNG FECON (FECON S&C)

Tiền thân của FECON S&C là Công ty Cổ phần Xử Lý Nền FECON SHANGHAI HARBOUR (FECON GH) được thành lập tháng 9/2009 là kết quả của sự hợp tác

quốc tế, sự kế thừa và phát huy kinh nghiệm và năng lực đã được khẳng định về nghiên cứu ứng dụng mới trong xử lý nền đất yếu của FECON, Việt Nam và Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Shanghai GeoHarbour, Trung Quốc. Tháng 1.2018 FECON mua lại toàn bộ cổ phần từ Shanghai GeoHarbour và đổi tên thành Công ty cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON (FECON S&C).

4a

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON MILTEC

Công ty cổ phần FECON Miltec được thành lập vào tháng 11/2011 trên cơ sở hợp tác giữa Công ty Cổ phần FECON (Việt Nam) và Công ty Chikami Miltec Inc. (Nhật Bản). Với dây chuyền sản xuất bậc thềm có công suất 3,5 triệu m³/tháng. FECON Mitec cung cấp các sản phẩm bậc thềm theo tiêu chuẩn Nhật Bản và quốc tế phục vụ cho hoạt động xử lý nền đất yếu của FECON cũng như cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

5

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON SOUTH

Công ty Cổ phần FECON South được thành lập vào tháng 6/2016 với lĩnh vực hoạt động chủ yếu là thiết kế và thi công các giải pháp nền, móng và hạ tầng. Việc thành lập FECON South khẳng định quyết tâm của Ban Lãnh đạo Công ty trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng thị trường phía Nam.

6

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FECON (FECON POWER)

Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (FECON Power) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng FECON (FIT). FECON Power đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và thực hiện các dự án đầu tư của FECON trong lĩnh vực hạ tầng năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo.

6A. Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6
Được thành lập từ tháng 3/2018, Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 là đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý và vận hành Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

7

CÔNG TY CP XÂY DỰNG NỀN MÓNG FECON – RAINBOW (YANGON, MYANMAR)

Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng FECON Rainbow được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa 2 công ty: Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Xây dựng Super Rainbow (Myanmar) để thực hiện các công việc liên quan đến khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc & dịch vụ thiết kế, đón đầu các cơ hội trong lĩnh vực xây dựng tại thị trường Myanmar.

8

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ FECON (FMS)

Công ty cổ phần thiết bị FECON được thành lập vào tháng 12/2018 với nguồn nhân lực chất lượng cao và máy móc thiết bị hiện đại. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tư vấn định hướng đầu tư thiết bị. Mục tiêu của FMS là trở

thành một trong những công ty quản lý & khai thác thiết bị kiểu mẫu đứng trong top đầu thị trường Việt Nam.

9

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON HẢI ĐĂNG

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng trụ sở tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Công ty Khoáng sản FECON Hải Đăng sở hữu và khai thác các mỏ đá chất lượng cao tại Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An và mỏ cát tại Hà Nội, Hà Nam để cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông dự ứng lực và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng ra thị trường.

10

CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC FECON SỐ 1 (FCPL1)

Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 ra đời vào năm 2019 với nòng cốt là những nhân sự giàu kinh nghiệm, đi đầu trong lĩnh vực thi công cọc dựa trên nền tảng vững chắc mà FECON mẹ đã gây dựng. Các lĩnh vực chính mà FCPL1 đang đảm nhiệm là cung cấp và thi công các loại cọc bê tông dự ứng lực, cọc khoan nhồi, cọc vuông, cọc khoan thả...

11

CÔNG TY CỔ PHẦN CỌC KHOAN VÀ KẾT CẤU NGẦM (FDB)

Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON (FDB) thành lập ngày 25/02/2019 với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, cùng với thế mạnh về thi công cọc khoan nhồi, tường vây, cọc cừ, cọc xi măng đất và kết cấu ngầm.

12

CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC VÀ XÂY DỰNG FECON (FPL)

Được thành lập từ năm 2019 với sứ mệnh là tiếp tục duy trì và phát triển lĩnh vực kinh doanh chủ chốt - nền và móng, FPL còn tiếp tục đẩy mạnh vào việc phát triển các lĩnh vực đầu tư khác của tập đoàn FECON như Hạ tầng giao thông, Hạ tầng năng lượng và Hạ tầng đô thị-môi trường. FPL được thừa hưởng toàn bộ nhân sự chủ chốt tại công trường thuộc tập đoàn FECON từ những ngày đầu thành lập và sở hữu lượng thiết bị thi công lớn, nhằm mang lại cho khách hàng gói giải pháp tổng thể tối ưu về nền và móng.

13

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (FECON MINING)

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được thành lập năm 2007 với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực mang thương hiệu FECON Pile, các sản phẩm bê tông chất lượng cao và khai thác khoáng sản cung cấp nguyên vật liệu xây dựng. Đến nay, FECON Mining đã trở thành công ty hàng đầu về sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực và khai khoáng tại khu vực phía Bắc. Công ty FECON Mining bao gồm Công ty mẹ có trụ sở tại Kim Bảng, Hà Nam và đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn.

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP



ĐẦU TƯ DỰ ÁN



LĨNH VỰC
KINH
DOANH

NỀN & MÓNG



XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG



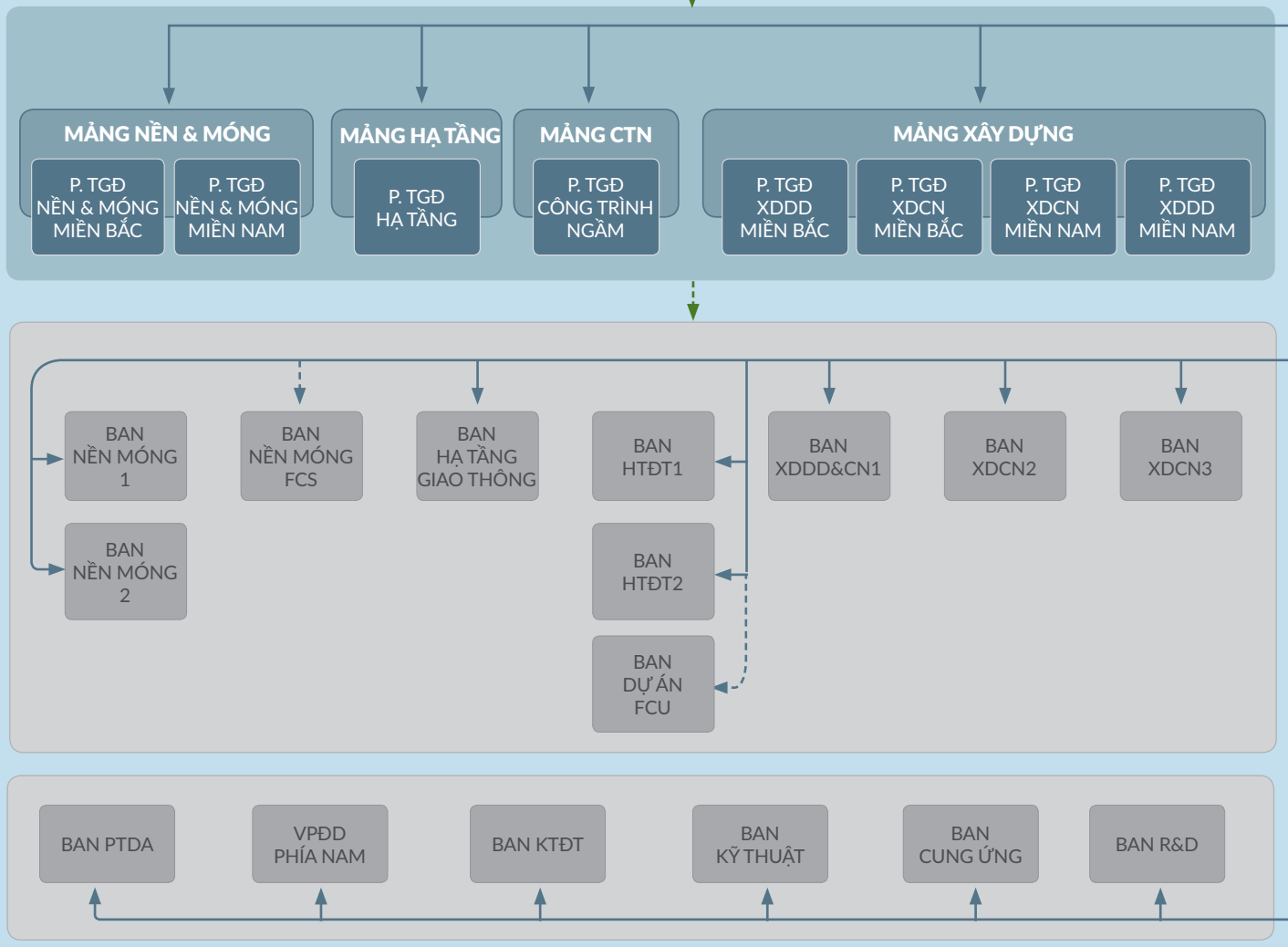
CÔNG TRÌNH NGẦM



MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

KHOẢNG THI CÔNG



GHI CHÚ

Tham mưu

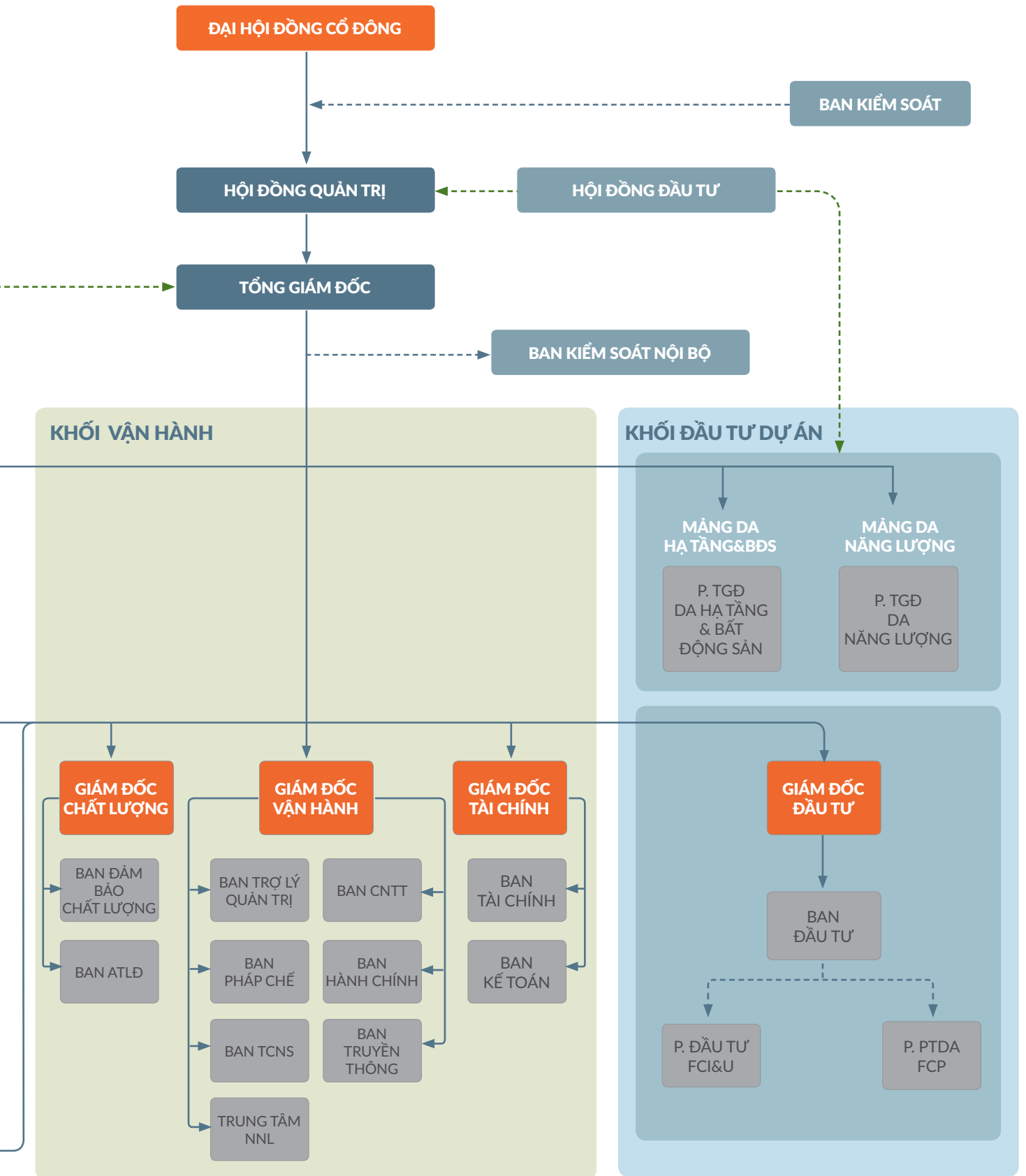


Quản lý trực tiếp



Huy động nguồn lực





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Việt Khoa

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sĩ ngành Cơ học đất, Nền móng và Công trình ngầm; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

1994 - 1998: Công tác tại Công ty xây dựng số 20 (LICOGI 20).

1999 - 2003: Công tác tại Công ty Tư vấn và Thiết kế cầu lớn hầm (BRITEC).

2003 - 2004: Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON

2004 - 2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (sau là Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

2016 đến nay: Ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.

Ông được vinh danh trong Top 10 Doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (giải thưởng Sao Đỏ) năm 2014.



Ông Hà Thế Phương

P. Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1954. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa Hà Nội.

1977 - 1987: Giảng viên Khoa Toán, Lý Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định.

1987 - 1995: Quản lý lao động tại Nhà máy Dệt Donhet thuộc Liên Xô cũ.

2000 - 2004: Giảng viên Trường trung cấp Công nghệ Hà Nội.

2004 - 2008: Giám đốc Trung tâm thí nghiệm FECON.

2008 - 2009: Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

2009 - 2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

5/2010 - 2014: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

Hiện nay, Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông Trần Trọng Thắng

P. Chủ tịch Thường trực HĐQT

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật.

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Northwestern (Thụy Sĩ).

1994 - 2002: Công tác tại Công ty Xây dựng 20 - LICOGI 20.

2002 - 2004: Công tác tại Công ty Tư vấn Thiết kế Công nghiệp & Đô thị VCC - Bộ Xây dựng.

2004 - 2014: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

2014 - 2017: Quyền Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

2017-2018: Ông được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

Từ 11/2018 - nay: Ông là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông Hà Thế Lộng

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1953. Quốc tịch Việt Nam.

Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm kỹ thuật - Điện Xí nghiệp.

1983 - 1987: Quản đốc phân xưởng mạ Công ty Điện cơ thống nhất.

1987 - 1991: Quản lý lao động tại Nhà máy dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô (cũ).

2004 - 2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

2007 - 2010: Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

2010 - 2014: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

11/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị FECON

Hiện nay, Ông là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông Phạm Trung Thành

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam. Cử nhân sư phạm hóa học

1999 - 05/2008: Giáo viên tại Trường THPT Yên Phú- Ý Yên- Nam Định

6/2008 - 10/2009: Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON

10/2009 - 4/2010: Quản đốc xưởng Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON

5/2010 - 31/12/2014: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản FECON

01/2015 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

4/2019 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



Ông Nguyễn Song Thanh

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ Địa chất công trình tại Đại học Mỏ địa chất Hà Nội.

1996 - 06/2003: Kỹ sư địa chất công trình tại Cty Tư vấn khảo sát thiết kế hàng không.

2003 - 2011: Phó Giám đốc Xí nghiệp khảo sát Xây dựng, Cty cổ phần tư vấn Sông Đà.

11/2011 - 05/2012: Phó Giám đốc Xí nghiệp Địa kỹ thuật - Viện Nền móng và Công trình ngầm.

06/2012 - 12/2013: Trưởng phòng Địa kỹ thuật - Viện Nền móng và Công trình ngầm.

01/2014 - 04/2018: Phó Giám đốc Viện Nền móng và Công trình ngầm (FECON INS)

04/2018 - 05/2019: Giám đốc Viện Nền Móng và Công trình ngầm (FECON INS)

5/2019 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tiếp)



Ông Satoyuki Yanmane

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1967. Quốc tịch Nhật Bản. Cử nhân Kinh tế

1991 - 2018: Trưởng Phòng Phát triển kinh doanh, Giám đốc phát triển kinh doanh, Giám đốc Kế hoạch kinh doanh tại Raito Kogyo Co., Ltd,

2018 - nay: Giám đốc Khối nước ngoài tại Raito Kogyo Co., Ltd

4/2019 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



Ông Phùng Tiến Trung

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ xây dựng.

1995 - 2010: Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) - Bộ Xây dựng.

2010 - 2011: Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế hạ tầng - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).

2004 - 2015: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

2015 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC), Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế kết cấu 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).

2018-nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP (TEDI)



Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1969. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ Ngành Quản trị Kinh doanh tại đại học CEIBS

1994 - 1997: Kỹ sư Thiết kế nội thất & kiến trúc tại Tập đoàn Thiết kế Eppstadt, Toronto, Canada.

1997 đến 2001: Giám đốc Bộ phận Phương pháp & Chất lượng công nghiệp tại Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam.

2001 đến 2005: Giám đốc Bộ phận Thí điểm Quốc tế Công ty TNHH Schneider Electric Pháp.

9/2005 - 2008: Giám đốc Phương pháp & Hệ thống Chất lượng Giải pháp kinh doanh điện Schneider Hồng Kông - SEBS HK Limited. Bộ phận điều hành châu Á Thái Bình Dương.

3/2008 đến 10/2010: Cố vấn chất lượng cấp cao của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ (MOST), Việt Nam.

(1999 - 2009: Kiểm toán viên trưởng (Chứng nhận Kiểm toán viên quốc tế) Kiểm toán tư vấn trưởng của BVQI).

1/2011 - 9/2015: Giám đốc chiến lược tại FPT Group.

9/2015 - 06/2016: Giám đốc CTS (Trung tâm khoa học tư duy) Trung tâm khoa học và công nghệ.

06/2016 - 05/2018: Phó chủ tịch Hội đồng chiến lược VNPT - Kiêm Giám đốc chiến lược.

6/2017 - nay: Chủ tịch của iBOSSSES VIETNAM.

6/2018 - nay: Giám đốc chiến lược của VN DIRECT VN.

4/2019 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ xây dựng tại Đại học công nghệ Nanyang (NTU).

2003 - 2005: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.

2005 - 2006: Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.

2006 - 2009: Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng - Singapore.

2009 - 2011: Tư vấn Trưởng dự án - Công ty Tư vấn CPG Singapore Ltd.

2011 - 2017: Giám đốc kinh doanh - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2017: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.

11/2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.



Ông Muôn Văn Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Cầu hầm Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội

1994-2011: Công tác tại Tổng công ty Xây dựng Thăng Long

2011-2014: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bắc Đô thị Hà Nội

2014 -2016: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bắc Đô thị Hà Nội

2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON

Hiện Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng và phát triển đô thị FECON



Ông PHẠM QUỐC HÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1975. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sỹ xây dựng Học viện Công nghệ Châu Á (AIT - Thái Lan)

1997-2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thuộc Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOI)

2002-2003: Làm việc tại Công ty Penta-Ocean - Dự án thi công mở rộng Cảng Cái Lân - Quảng Ninh

2003-2005: Làm việc tại Công ty Obayashi- Dự án thi công Cầu Thanh Trì Hà Nội

2006-2007: Trưởng Phòng kỹ thuật - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

2007-2010: Giám đốc kỹ thuật và quản lý thi công- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

2011-2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON - kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON

2019 - nay: Giám đốc Chất lượng, kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng dự án đầu tư năng lượng - Công ty Cổ phần FECON

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)



Ông LÊ QUANG HANH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1978. Quốc tịch Việt Nam.

Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải, Tiến sĩ kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)

2000-2003: Làm việc tại Cty tư vấn Thăng Long – Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

2003-2010: Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải

2006-2009: Trợ lý nghiên cứu – Đại học Technische Universitaet Darmstadt (Đức)

2011-2014: Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON

2015 -nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.

Từ tháng 4/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON



Ông NGUYỄN HỒNG LUYỆN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ quản lý dự án tại Đại học Salford, Vương quốc Anh

2001-2008: Làm việc tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng HUD1

2008-2009: Làm việc tại Huawei Technologies, Vietnam

2010-2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

2015-2016: Giám đốc Kế hoạch Công ty Cổ phần FECON

2016- 2019: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Trưởng Ban dự án Xây dựng Công nghiệp 1 - Công ty Cổ phần FECON

2019-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON



Ông TẠ CÔNG THANH VINH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ Địa chất công trình Trường Gadjah Mada Ijazah (Indonesia)

2010-2013: Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC

2013-2014: Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ Giám đốc dự án - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

2014-2016: Giám đốc kỹ thuật - Công ty Cổ phần FECON

2016 -2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần FECON South

Hiện nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch Công ty Cổ phần FECON South.





Ông NGUYỄN QUỐC BẢO

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường Đại Học Quốc Gia Tam Bốp)

2011-2012: Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam

2012-2013: Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC

2013-2018: Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON

2018 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON (FDB)



Ông NGUYỄN THANH TÙNG

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1981. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business

2004 - 2005: Kỹ sư Xây dựng – Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI

2005 - 2014: Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co.

2015: Quản lý dự án – Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA

2016 - 2018: Giám đốc điều hành – Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam

10/2018 - 11/2019: Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp

12/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 2, Công ty Cổ phần FECON.



Bà Nguyễn Thị Nghiên

Giám đốc Tài chính

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân

07/2011 - 04/2015: Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh.

05/2015 - 12/2016: Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON

05/2015 - 09/2018: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON.

09/2018 - 08/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

09/2019 - nay: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần FECON.



Ông Nguyễn Hoàng Long

Giám đốc Đầu tư

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ Kinh tế tài chính quốc tế tại Đại học Queensland (Australia).

2001 - 2002: Công tác tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV).

2002 - 2008: Công tác tại Bộ Thương mại, Vụ Châu Á Thái Bình Dương.

2008 - 2012: Giám đốc khối, Công ty Chứng khoán An Bình.

2013 - 2014: Làm việc tại Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.

2014 - 2015: Giám đốc Tài chính, Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON/ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC.

Hiện nay, Ông là Giám đốc Đầu tư Công ty Cổ phần FECON.



BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Trưởng ban

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ kinh tế ngân hàng và tài chính (MEBF) tại CFVG do 2 trường đồng cấp: Trường quản lý Châu Âu ESCP Europe và Đại học Paris Dauphine.

2002-2004: Công tác tại Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào.

2004 - 2007: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Tce Vina Denim.

2007 - 2009: Giám đốc tài chính - Tập đoàn Hà Thanh Bình, Công ty liên doanh Vinastone.

2009 - 2014: Giám đốc Công ty liên doanh Vinastone, Tp. Hồ Chí Minh.

Từ 4/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON



Ông Nguyễn Tiến Thành

Thành viên BKS

Sinh năm 1991. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sỹ Kinh tế (chuyên ngành: Kế toán) – Học viện Tài chính

2013 – 2014: Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế IFC.

2014 – 2015: Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

2015 – 2018: Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

Từ 4/2019 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP FECON



Ông Trần Công Tráng

Thành viên BKS

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam. Cử nhân Kinh tế tại trường ĐH Thương mại Hà Nội.

01/2000 - 12/2002: Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Công ty Vận tải và Xây dựng đường thủy nội địa.

01/2003 - 05/2008: Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22- Tổng công ty HANDICO - Kiểm Kế toán trưởng Xí nghiệp xây dựng 5.

1/2008 - 6/2011: Phó phòng kế toán Công ty xây dựng số 3 Hà Nội - Tập đoàn BRG. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Nhiệt Đới.

7/2011 - 7/2013: Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Lâm.

07/2013 - 10/2014: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty kiểm toán Vietin.

Từ tháng 2/2019 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Từ tháng 4/2019 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần FECON.

FECON

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
- 2019 -



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ



A. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Năm 2019, FECON xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự tập trung, trong đó việc thiết kế hệ thống quản trị nhân sự được thực hiện tại Công ty mẹ, áp dụng triển khai đồng bộ và linh hoạt tại các Công ty thành viên, bước đầu đã tạo ra một hệ thống xuyên suốt, tạo dựng môi trường làm việc công bằng và cạnh tranh lành mạnh trong toàn Tập đoàn.

Hệ thống đánh giá và quản trị thành tích của FECON tiếp tục được hoàn thiện. Thông qua cơ chế giao mục tiêu KPI đối với các Công ty thành viên và từng phòng ban chức năng, chính sách thưởng hiệu quả của FECON được áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng kết quả KPI đã được giao từ đầu năm, đồng thời lấy đó làm căn cứ đánh giá, xếp loại, bình xét các danh hiệu khen thưởng định kỳ và quy hoạch đội ngũ.

Xác định mọi nỗ lực cống hiến và kết quả công việc của cán bộ công nhân viên đều được ghi nhận, phản hồi và có những khuyến khích động viên kịp thời. Năm vừa qua, FECON tiếp tục áp dụng cơ chế trả lương theo đánh giá xếp loại hàng tháng và lương sản phẩm tại các Ban dự án. Nhằm xây dựng văn hóa hiệu suất cao cùng với chế độ đãi ngộ xứng đáng theo 3Ps, FECON đang thực hiện cải tiến chính sách lương bằng việc hoàn thiện hệ thống đánh giá vị trí chuẩn toàn Tập đoàn, đánh giá năng lực theo khung năng lực và đánh giá kết quả công việc dựa trên hệ thống KPI cá nhân, trong đó ưu tiên chi trả lương năng suất trên cơ sở kết quả đánh giá KPI cá nhân và bộ phận, dự kiến áp dụng từ quý 2/2020.

Năm 2019 với chương trình kỷ niệm 15 năm thành lập, FECON tổ chức lễ vinh danh trang trọng và trao tặng phần quà ý nghĩa, có giá trị đặc biệt cả về vật chất và tinh thần đối với các cán bộ công nhân viên cùng gia đình đã dành nhiều năm gắn bó, đồng hành và góp phần tạo dựng những thành tựu của Tập đoàn. Bên cạnh đó, các chương trình khen thưởng, phúc lợi khác như thưởng thành tích, thưởng sáng kiến, khám sức khỏe định kỳ, các sự kiện quan trọng (ngày 8/3, 1/6, Trung thu, 20/10...) và các hoạt động thăm hỏi, động viên, chia sẻ tới từng cá nhân và gia đình người lao động... được duy trì và trở thành những hoạt động thường niên mang màu sắc, ý nghĩa và giá trị tốt đẹp của người FECON.

B. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ THÔNG QUA ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ HIỆU SUẤT

Trong năm 2019, cùng với những bước chuẩn bị tích cực về cấu trúc, hệ thống, FECON tiếp tục duy trì chính sách cạnh tranh để thu hút nhân sự chất lượng cao, và đẩy

mạnh công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự hiện có nhằm chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực thích nghi với sự chuyển mình của FECON trong giai đoạn chiến lược 2020 – 2025.

Với mục đích trang bị kiến thức nền tảng về quản trị chiến lược cho đội ngũ, lãnh đạo quản lý của FECON, khóa học “Quản trị chiến lược” do chuyên gia Nguyễn Hữu Thái Hòa giảng dạy được tổ chức đã ngay lập tức góp phần nâng cao hiệu quả làm việc với đơn vị tư vấn chiến lược KPMG. Kiến thức bài bản theo chuẩn quốc tế cùng với việc thực hiện đề tài theo các mảng kinh doanh thực tế của FECON đã giúp cho công tác triển khai chiến lược có tính ứng dụng cao. Đây không chỉ là khóa học mà cũng là một cơ hội huy động ý tưởng từ các cấp quản lý, hoàn thiện bản đồ chiến lược Tập đoàn.

Thực thi chiến lược mới đòi hỏi rất nhiều nỗ lực của toàn thể CBCNV FECON, đặt biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý – những người sẽ đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong hành động. Năm 2019, bên cạnh việc tổ chức “Hội nghị Nhà Khoa quản trị và kinh doanh trường Đại học Quốc Gia Hà Nội thiết kế và tổ chức chương trình đào tạo mini MBA “Nền tảng lãnh đạo, quản lý FECON” (FLF) cung cấp các kiến thức toàn diện về quản trị doanh nghiệp, kỹ năng lãnh đạo cho 25 học viên là những lãnh đạo, quản lý tiềm năng của FECON. Chương trình này sẽ tiếp tục được tổ chức trong những năm tới và là chương trình đào tạo ưu tiên để phát triển đội ngũ kế cận.

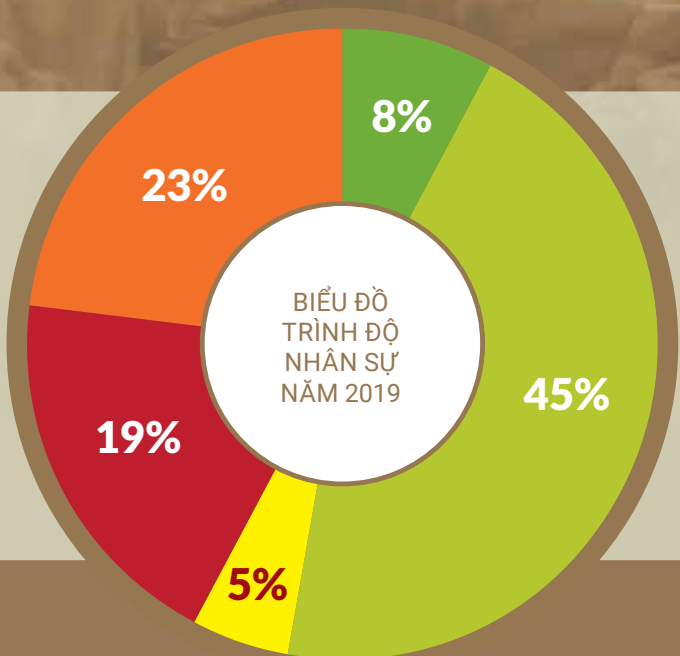
Là một chương trình chiến lược cho đội ngũ Quản lý dự án, chương trình phát triển lực lượng Quản lý dự án PMP2019 tiếp tục được đồng đảo kỹ sư QLDA hưởng ứng có những cải tiến nâng cao chất lượng rõ rệt, thể hiện trong việc tổ chức Hội đồng sát hạch năng lực toàn bộ đội ngũ Quản lý dự án tại 3 miền Bắc – Trung – Nam với sự tham gia của thành viên Ban lãnh đạo, và các chuyên gia uy tín bên ngoài trong lĩnh vực quản lý xây dựng. Phương pháp đào tạo theo mô hình các cặp Thầy – Trò lần đầu tiên được áp dụng trong chương trình PMP2019, đã phát huy trách nhiệm của các cấp lãnh đạo/quản lý trong việc phát triển đội ngũ kế cận.

Bên cạnh đó, các chương trình dành cho đối tượng nhân viên cũng được chú trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng lực lượng lao động FECON tinh nhuệ, chuyên nghiệp. Các khóa học được tổ chức đồng thời bởi hai hình thức nội bộ và mời giảng viên uy tín bên ngoài, bao gồm: Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng Giải quyết vấn đề, Lập kế hoạch và thực hiện công việc... và các khóa học chuyên môn theo từng chức năng để cập nhật kiến thức và các chính sách mới, văn bản qui định của Pháp luật.



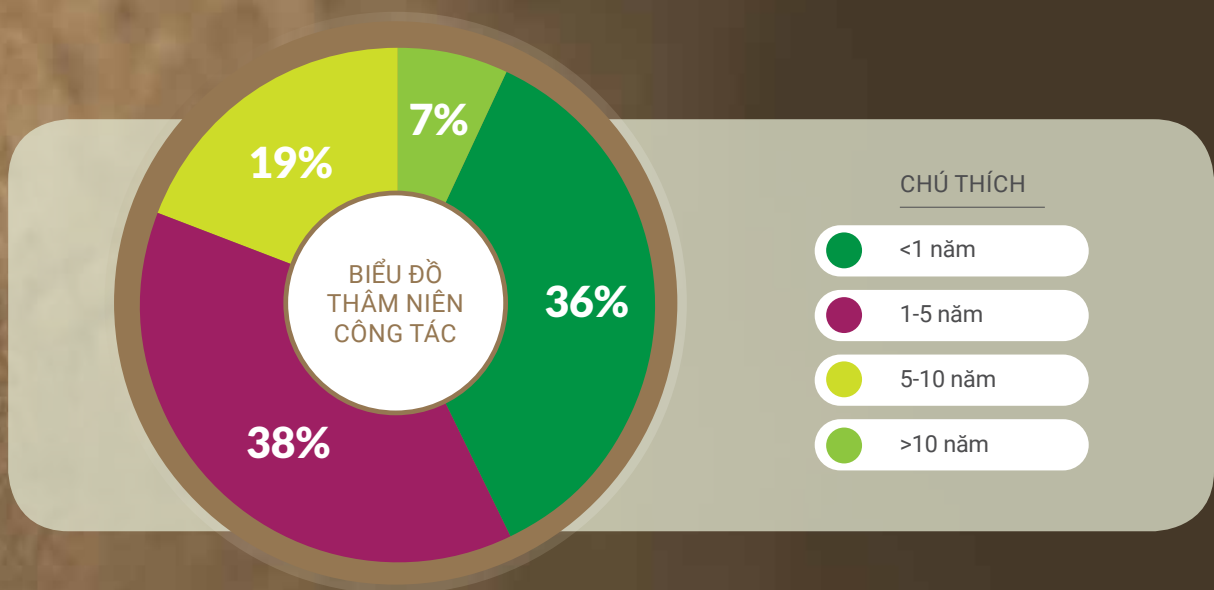
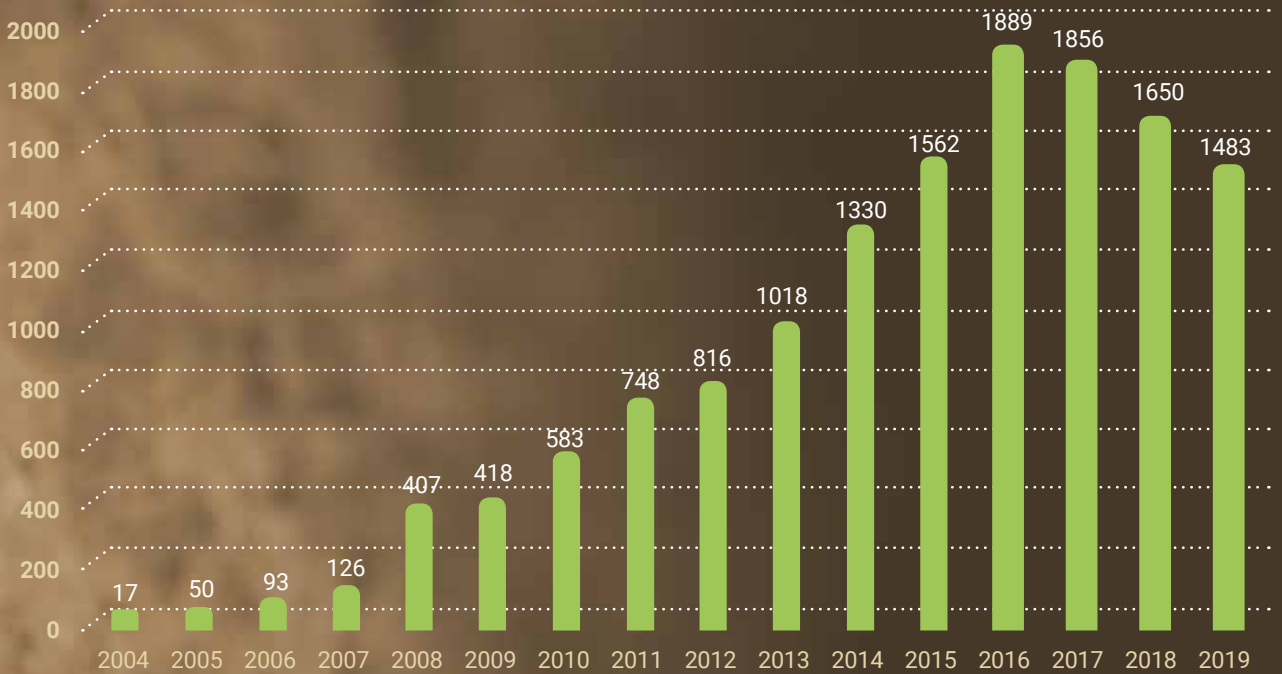
CHÚ THÍCH

- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân



QUY MÔ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM

Quy mô nhân sự



Năm 2019, số lượng nhân sự của FECON là 1.483 người. Tổng số lao động có bằng cấp chuyên môn và tay nghề cao của FECON chiếm gần 80%, tỷ lệ CBCNV có thâm niên lâu năm chiếm tới gần 70% tổng số lượng lao động. Tổng số lượng lao động chính thức, có hợp đồng dài hạn là 1.097 người, tập trung 73% ở khối quản lý dự án, thi công xây dựng. FECON tự hào có đội ngũ lãnh đạo quản lý được đào tạo và trang bị kiến thức, phương pháp quản lý khoa học, có lực lượng nhân sự với năng lực chuyên môn vượt trội và đội ngũ thợ lành nghề, làm chủ thiết bị máy móc kỹ thuật công nghệ cao.

• **CÁC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**
 Năm 2019 vẫn tiếp tục duy trì các chương trình hành động phát triển văn hóa doanh nghiệp với bản sắc của 5 giá trị cốt lõi FECON. Bên cạnh các hoạt động hàng

tháng như tạp chí Để mền chinh phục, bản tin newfeed, các chương trình giao lưu thể thao văn nghệ, các chương trình tri ân gia đình thương binh liệt sĩ, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó... điểm nhấn vô cùng ấn tượng là chương trình "FECON 15 năm – Sẵn sàng bút phá", gồm một loạt các hoạt động dành cho CBCNV khối văn phòng cũng như khối công trường như: "Chào mừng bạn về nhà" dành cho các CBCNV công trường về thăm Văn phòng tại HN, "Tour công trường 2019" được tổ chức tại các dự án trên cả nước, "hội thao FECON", xuất bản ấn phẩm nội bộ "Tôi yêu FECON" ghi lại những câu chuyện, những dòng cảm xúc của CBCNV dành cho Công ty trong suốt 15 năm qua... Đây chính là yếu tố gắn kết và tạo nên khối sức mạnh bền vững để FECON với sứ mệnh của mình, vững bước trên con đường chinh phục các mục tiêu đã đặt ra theo Tâm nhìn chiến lược mới.

PHẦN 03

CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ

Trang 44
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trang 56
CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN, GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

Trang 58
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trang 62
BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Trang 64
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Năm 2019 đánh dấu sự dịch chuyển mô hình Nhà thầu chuyên môn tiến tới Tổng thầu, tạo tiền đề đột phá cho giai đoạn 2020 – 2025, trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam. 05 lĩnh vực kinh doanh chiến lược được xác định, bao gồm: Nền và móng; Công trình ngầm; Hạ tầng; Xây dựng; Đầu tư dự án.

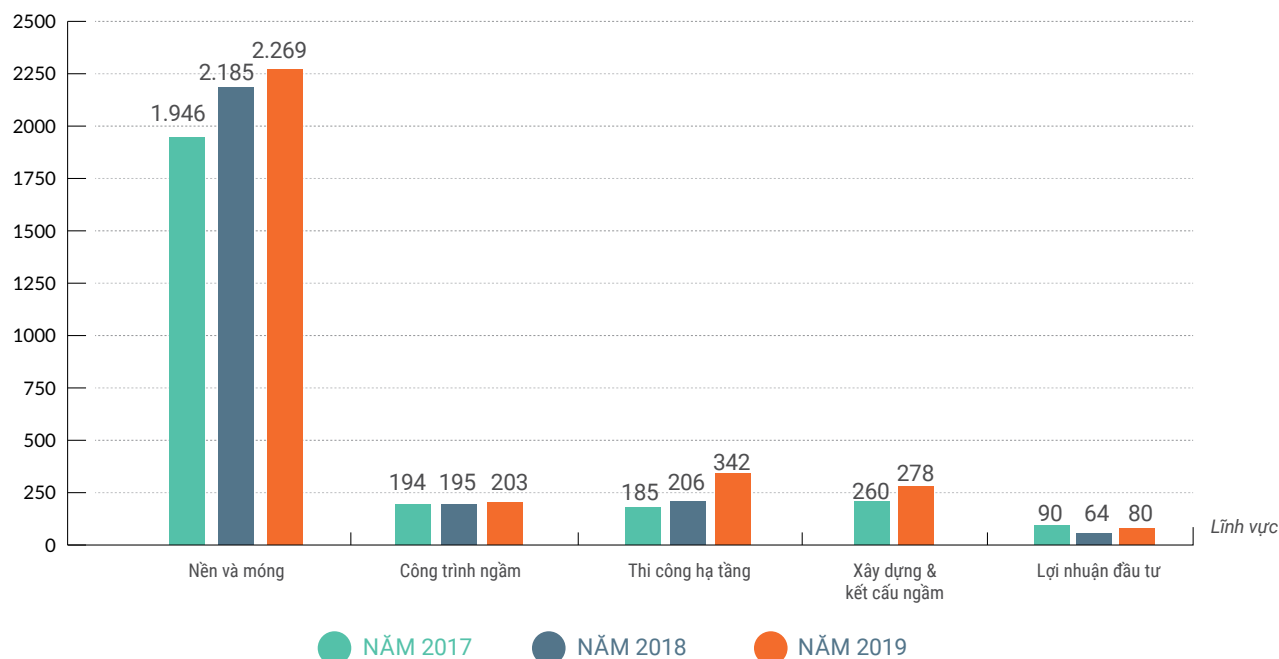
Dưới đây là cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực từ năm 2017 đến nay:

Lĩnh vực	2017	2018	2019
Nền và móng	1.946	2.185	2.269
Công trình ngầm	194	195	203
Thi công hạ tầng	180	206	342
Xây dựng & kết cấu ngầm	-	260	278
Tổng Doanh thu thi công	2.320	2.846	3.092
Lợi nhuận Đầu tư	90	64	80

Năm qua, hoạt động kinh doanh của FECON chịu sự tác động từ những yếu tố bất lợi từ thị trường và chính sách thắt chặt tín dụng bất động sản của ngân hàng Nhà nước; các dự án đầu tư công lớn chững lại, không triển khai, tình hình cạnh tranh

Tỷ đồng

Bảng cơ cấu doanh thu năm 2017, 2018 và 2019



khốc liệt do quá nhiều nhà thầu mà quá ít dự án triển khai. Với tầm nhìn dài hạn và năng lực cốt lõi xuất sắc FECON vẫn duy trì kết quả kinh doanh tích cực so với các công ty trong cùng ngành xây dựng, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị hợp đồng ký năm 2019 đạt 4.100 tỷ đồng, tương đương 98% kế hoạch, doanh thu hợp nhất tăng 9% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất bằng 85% so với năm 2018

FECON tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực so với các công ty cùng ngành: Sản lượng thực hiện và doanh thu năm 2019 lần lượt đạt 3.400 tỷ và 3.092 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng lần lượt 10% và 9% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 212 tỷ, bằng 85% so với 2018 và đạt 64% kế hoạch được giao.

Trong năm vừa qua, FECON đã triển khai một số dự án tiêu biểu như: Tổ hợp hóa dầu Long Sơn (trên 500 tỷ), Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (gần 400 tỷ), Nước thải Yên Xá (gần 200 tỷ), Gamuda HCM (gần 300 tỷ), cao tốc Lộ Tê - Rạch Sỏi và các dự án nước ngoài như Cầu Bago, Cảng Sittwe tại Myanmar. Các dự án đều đạt lợi nhuận kỳ vọng, đảm bảo các tiêu chí về chất lượng, tiến độ và an toàn lao động.

Với chiến lược chuyển dịch từ nhà thầu phụ chuyên sâu sang Tổng thầu/Nhà thầu chính, năm vừa qua FECON cũng tham gia vào nhiều dự án với vai trò là tổng thầu như Đại học Thành Tây của tập đoàn Phenikaa, Trường liên cấp Wellspring, Khách sạn 503 Kim Mã Hà Nội, Khách sạn Đông Hương Thanh Hóa... Kết quả thực hiện các dự án này rất thành công, dần tạo dựng năng lực và thương hiệu FECON với vai trò là Tổng thầu dự án.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt, áp lực giảm giá để cạnh tranh, duy trì thị phần đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của FECON. Điểm sáng của năm là FECON đã thu được lợi nhuận đáng kể từ lĩnh vực đầu tư, cụ thể là Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6. Dự kiến năm 2020, FECON sẽ tập trung vào một số lĩnh vực đầu tư chiến lược là các dự án năng lượng tái tạo, dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp tạo tiền đề phát triển bền vững với 2 mũi nhọn là thi công và đầu tư.

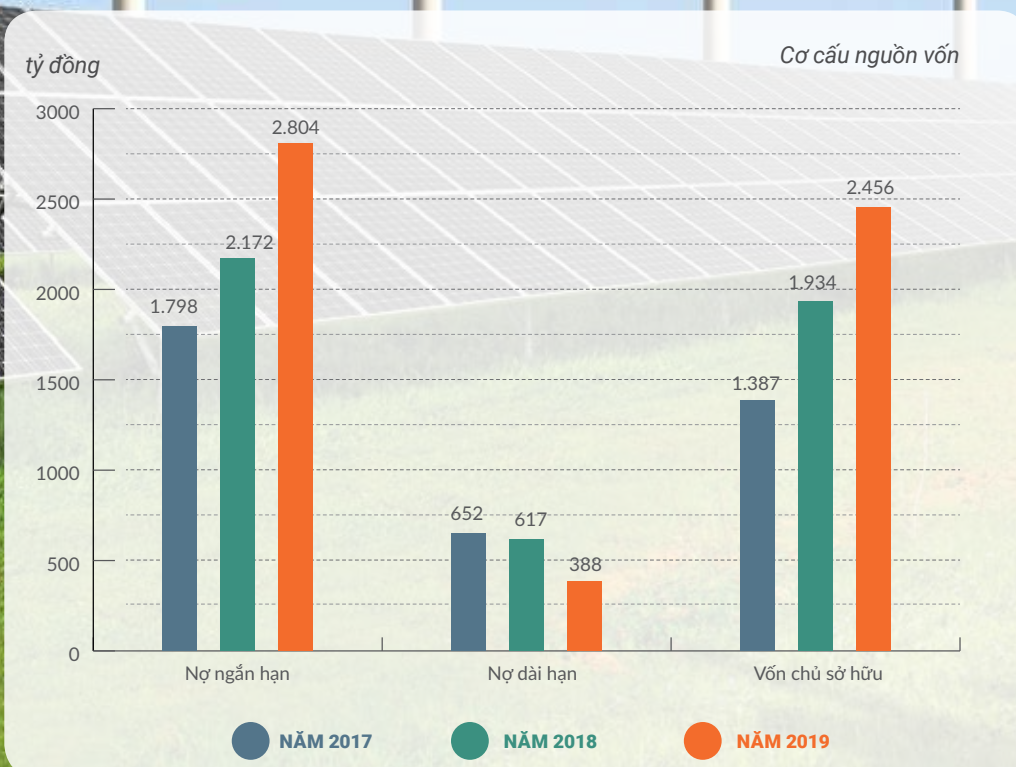
2. Cơ cấu tài sản

Tính đến ngày 31/12/2019, Tổng tài sản của Công ty đạt 5.647 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2018, trong đó tốc độ tăng trưởng của tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt đạt mức 23% và 7%.

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 21%, hàng tồn kho tăng 30% theo sự tăng trưởng của quy mô doanh thu, sản lượng. Khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho tăng chủ yếu do các dự án trọng điểm lớn như Hóa dầu Long Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn 2 và các dự án lớn khác với giá trị nghiệm thu trên 800 tỷ ghi nhận doanh thu trong quý IV/2019 và giá trị sản lượng lớn chưa được nghiệm thu tại các dự án này.
- Tài sản dài hạn của Công ty tăng 7% trong năm 2019 do Công ty gia tăng giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 để sở hữu Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

3. Cơ cấu nợ phải trả:

- Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2019 là 3.192 tỷ đồng, tăng 14% so với đầu năm, chiếm 57% Tổng nguồn vốn. Nguyên nhân chủ yếu là do:
 - (1) Quy mô nợ ngắn hạn tăng 29% trong đó phải trả người bán và chi phí phải trả tăng cao do huy động nguồn lực lớn để đem giá trị thi công các công trình lớn thực hiện vào thời điểm cuối năm;
 - (2) Nợ dài hạn giảm -37% do việc chuyển đổi toàn bộ giá trị Trái phiếu chuyển đổi còn lại sang cổ phần của Nhà đầu tư chiến lược Raito Kogyo.
- Tình hình thanh khoản của FECON ở mức khá an toàn khi các chỉ số thanh khoản nhanh và



hiện hành lần lượt đạt 1,36 và 1,6 lần, luôn giữ mức ổn định và an toàn qua các năm.

• Trong năm 2019, FECON không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, được các tổ chức tín dụng, đối tác đánh giá ở mức tín nhiệm cao và duy trì trạng thái tài chính lành mạnh, ổn định và bền vững trong dài hạn,

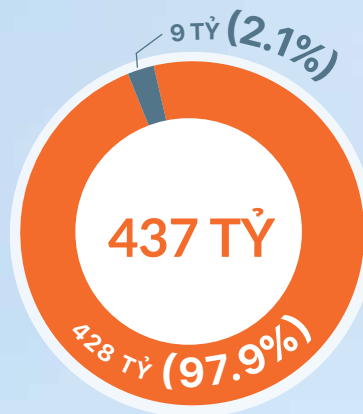
4. Tình hình thực hiện đầu tư.

Để đạt được hiệu quả tài chính cao hơn, bên cạnh việc đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung phát triển nguồn lực nội tại cũng như tận dụng mối quan hệ đối tác đã thiết lập trong thời gian qua cùng với các cơ hội hợp tác đầu tư cụ thể, công ty đã thực hiện đầu tư vào các công ty con, công ty dự án để thực hiện dự án điện mặt trời đầu tiên đồng thời phát triển các dự án đầu tư năng lượng tái tạo và hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, nhờ đó xác lập quyền đầu tư cho hàng loạt dự án mới.

Bảng tình hình thực hiện đầu tư năm 2019

STT	Danh mục chính	Tổng mức (tỷ VND)
1	Đầu tư vào công ty con, công ty dự án	428
2	Đầu tư vào tài sản cố định	9
Tổng cộng		437

- Đầu tư vào công ty con, công ty dự án
- Đầu tư vào tài sản cố định



B. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

▣ 1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác phát triển tổ chức

Hoạt động điều hành Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và đảm bảo tính ổn định liên tục trước bối cảnh còn nhiều khó khăn như hiện nay.

Công ty phát triển theo định hướng chiến lược đã đề ra và xây dựng chiến lược giai đoạn mới (2020-2025), với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam.

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc theo hướng chuyên môn hoá rõ rệt, lực lượng lao động trực tiếp được đưa về các công ty thành viên để đảm nhiệm các công việc mang tính chuyên sâu. Tại công ty mẹ, lực lượng quản lý được tổ chức theo các Ban dự án chuyên nghiệp theo 5 mảng kinh doanh, cùng các Ban chức năng trong công ty từng bước quản lý tập trung các vấn đề quan trọng như Thương hiệu & VHDN, Nhân sự, Tài chính, Cung ứng, Kỹ thuật và Quản trị dự án cấp 2 trở lên.

Hoạt động kinh doanh

Năm 2019 đánh dấu sự dịch chuyển mô hình Nhà thầu chuyên môn tiến tới Tổng thầu, tạo tiền đề đột phá cho giai đoạn 2020 – 2025 với 05 lĩnh vực kinh doanh chiến lược được xác định, bao gồm: Nền và móng; Công trình ngầm; Hạ tầng; Xây dựng; Đầu tư dự án.

Tuy vậy, đây cũng là năm mà các doanh nghiệp xây dựng phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường như: không có dự án triển khai mới, các nhà thầu cùng lĩnh vực thiếu việc dẫn đến cạnh tranh khốc liệt... cùng những điều kiện không thuận lợi của môi trường kinh doanh liên quan đến cơ chế thu hút đầu tư, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách tín dụng ngày càng siết chặt đối với các dự án hạ tầng và bất động sản...

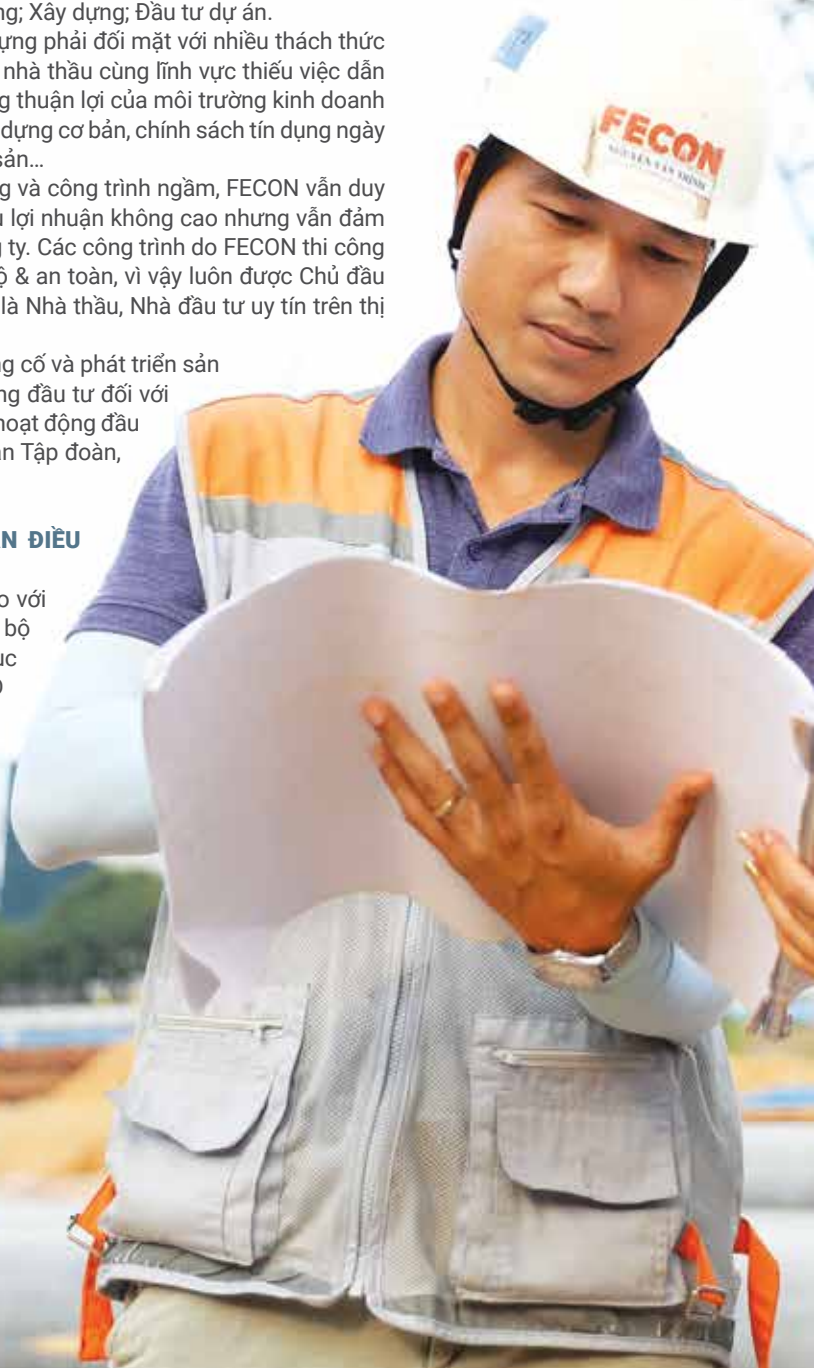
Trong bối cảnh đó, với nền tảng xuất sắc về nền móng và công trình ngầm, FECON vẫn duy trì được vị thế, ổn định hoạt động kinh doanh, mặc dù lợi nhuận không cao nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động trong Công ty. Các công trình do FECON thi công và đầu tư đều đảm bảo yêu cầu về chất lượng tiến độ & an toàn, vì vậy luôn được Chủ đầu tư đánh giá cao, ngày càng tô thắm hình ảnh FECON là Nhà thầu, Nhà đầu tư uy tín trên thị trường.

Bên cạnh việc chuyển dịch chiến lược kinh doanh, củng cố và phát triển sản phẩm truyền thống, FECON đã bắt nhịp được xu hướng đầu tư đối với các dự án năng lượng tái tạo. Năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư đã đóng góp đáng kể trong kết quả kinh doanh toàn Tập đoàn, tạo tiền đề cho chiến lược giai đoạn mới.

▣ 2. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận còn khá khiêm tốn so với kỳ vọng của cổ đông nhưng Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, bao gồm:

- ☑ Đối với công tác phát triển kinh doanh: Duy trì vị



thể dẫn đầu của 03 mảng kinh doanh cốt lõi, từng bước chuyển dịch sang mô hình nhà thầu chính/tổng thầu; vươn mình ra thị trường quốc tế, triển khai các dự án ở Myanmar, Phillipines. Trong năm đã thành lập Ban phát triển dự án tại công ty mẹ cùng với việc giao KPI phát triển kinh doanh cho các vị trí từ chủ tịch HĐQT, TGD đến các Ptgđ, hoạt động phát triển kinh doanh diễn ra rất sôi nổi, ở tất cả các lĩnh vực cũng như các quy mô dự án.

✔ Đối với công tác phát quản lý dự án: Áp dụng mạnh các biện pháp kiểm soát chi phí, tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, biện pháp thi công tại các dự án. Với các dự án cấp 2 trở lên tập đoàn đã triển khai quản lý dự án tập trung từ khâu tiếp cận chào thầu đến quản lý dự án và cung ứng máy móc nguyên vật liệu; Hiệu quả quản lý đã dần được cải thiện, giúp làm tăng năng lực cạnh tranh cho tất cả các cấp dự án từ cấp đặc biệt đến cấp 4.

✔ Đối với hoạt động tài chính: Tích cực trong công tác thu hồi, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, tối ưu hóa chi phí và thúc đẩy dòng tiền từ các dự án, cơ cấu lại khoản mục đầu tư theo định hướng chiến lược. Trong bối cảnh siết chặt tín dụng ngân hàng đối với các loại dự án hạ tầng & bất động sản, việc các Chủ đầu tư và các Tổng thầu chiếm dụng vốn là không thể tránh khỏi, tuy nhiên năm 2019 Tổng giám đốc cùng Ban quản lý chi phí & dòng tiền của công ty đã chủ động tích cực trong việc thu hồi công nợ, giải quyết được nhiều khoản phải thu đã kéo dài trong nhiều năm, đặc biệt các dự án thực hiện trong năm 2019 được thu hồi tương đối tốt;

✔ Đối với hoạt động đầu tư: Bước đầu có hiệu quả, đóng góp lợi nhuận cho Tập đoàn với sự kiện đóng điện và chuyển nhượng một phần vốn góp dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6, đồng thời xác lập được quyền đầu tư nhiều dự án tiếp theo thông qua hoạt động phát triển dự án đầu tư; và

✔ Đối với công tác vận hành tổ chức: Từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025; Bước đầu triển khai các hành động chiến lược ưu tiên, đặt nền móng cho năm bản lề tiến đến sự phát triển của Tập đoàn giai đoạn mới.

Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các



buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và hiệu quả. Trong quá trình quản lý điều hành, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ cũng như quyết định của HĐQT.

Đặt trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, HĐQT ghi nhận kết quả mà Ban điều hành đã đạt được trong năm qua. Ban Điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, tinh thần tự giác kỷ luật, phát triển tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, đồng thời củng cố phát huy điểm mạnh trong phát triển kinh doanh và quản lý hiệu quả dự án.

3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1 Tổ chức Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị năm 2019

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 đã phê duyệt HĐQT FECON nhiệm kỳ 2019-2024 với các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYỂN TRÁCH	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	ĐỘC LẬP
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	X		
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	X		
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực	X		
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên		X	
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên		X	
6	Phùng Tiến Trung	Ủy viên		X	
7	Phạm Trung Thành	Ủy viên			X
8	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên			X
9	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên			X

b. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

c. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty là 06 thành viên, bao gồm: Ông Phạm Việt Khoa, Ông Hà Thế Phương, Ông Trần Trọng Thắng, Ông Hà Thế Lộng, Ông Phạm Trung Thành và Ông Phùng Tiến Trung.

Ngoài ra, trong năm 2019, các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý khác của Công ty cũng được tham gia các khóa đào tạo nội bộ thường kỳ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty. Các hoạt động này không chỉ cung cấp những kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao nhận thức về các giá trị nền tảng của công việc giúp việc quản trị Công ty hiệu quả hơn.

3.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2019, HĐQT tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT, thông qua các nội dung chính như sau:

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Quý I/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập công ty con và ủy quyền người đại diện vốn Vay vốn tại các tổ chức tín dụng Nhận/chuyển nhượng cổ phần từ hoạt động đầu tư Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ Năm 2019 Thông qua phương án tăng vốn góp các công ty thành viên Thông qua phương án phát hành trái phiếu của CTCP FECON
Quý II/2019	<ul style="list-style-type: none"> Nhận/chuyển nhượng cổ phần từ hoạt động đầu tư Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Bầu các thành viên và chức danh trong HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Thông qua phương án tái cấu trúc Công ty và giao nhiệm vụ cho cán bộ quản lý Thông qua hồ sơ đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung chứng khoán Vay vốn tại các tổ chức tín dụng Tăng vốn điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM
Quý III/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức Tăng vốn góp vào công ty thành viên Thông qua chủ trương nghiên cứu một số dự án đầu tư Bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Thành lập công ty con Ban hành chính sách, văn bản quản trị Thay đổi người đại diện vốn tại công ty thành viên Thanh toán cổ tức 2018 bằng cổ phiếu Điều chỉnh cơ cấu tổ chức và thành viên trong Ủy ban triển khai chiến lược giai đoạn 2019 -2025. Thông qua hồ sơ đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung chứng khoán
Quý IV/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30 Ủy quyền đại diện quản lý vốn góp tại công ty thành viên

► 3.3 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

• Thường trực Hội đồng quản trị:

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT. FECON của Hội đồng quản trị ngày 27 tháng 04 năm 2019, là cơ quan được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT sau khi được thành lập triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bên cạnh đó TT HĐQT là cơ quan thường trực trong nhiệm vụ xây dựng chiến lược giai đoạn 2020-2025 và các chương trình xây dựng văn hoá doanh nghiệp, phát triển lực lượng lãnh đạo quản lý công ty.

• Người phụ trách về nhân sự và lương thưởng:

Hội đồng quản trị cử 01 Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề nhân sự và lương thưởng. Cùng với các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành khác năm 2019, Người phụ trách về nhân sự và lương thưởng đã hoạt động tích cực và đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, như sau:

- * Góp ý về chính sách lương, thưởng do Hội đồng quản trị đưa ra;
- * Góp ý đối với nội dung đề xuất về định mức lương, thưởng đối với cán bộ quản lý;
- * Định kỳ đánh giá quy mô và cơ cấu lương, thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- * Kịp thời đưa ra các khuyến nghị và đề xuất thay đổi cần thiết có liên quan.

► 3.4 Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập (không điều hành)

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của HĐQT. Các hoạt động của các thành viên HĐQT không điều hành trong năm như sau:

a. Về chiến lược: Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược của Công ty giai đoạn 2020-2025 đặc biệt ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của công ty và đồng hành cùng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt trong thời gian xây dựng và khởi động triển khai chiến lược;

b. Về kiểm soát hoạt động của Ban Điều hành: Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch và kết quả hoạt động của Ban Điều hành trong việc đạt được những mục đích, mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến đầy trách nhiệm, có tính phản biện vào tất cả các ý tưởng đầu tư;

c. Về kiểm soát rủi ro: Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động SXKD của công ty, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty;

d. Về nhân sự: Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.

► 3.5 Đánh giá tính tuân thủ trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, chất lượng quản trị và tính kỷ luật trong công ty được đề cao, HĐQT đã luôn tự giác hành động tuân thủ mọi quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và thông lệ quốc tế, HĐQT là những tấm gương cho Ban điều hành về sự liêm khiết và minh bạch bằng những hoạt động cụ thể như sau:

a. HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ. Đảm bảo yêu cầu về số lượng các cuộc họp cũng như số thành viên tham dự nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp;

b. HĐQT, TT HĐQT giám sát sát sao việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như việc xây dựng, thực hiện mục tiêu chiến lược 2020-2025;

c. Công tác quản trị luôn được minh bạch hóa, 03 thành viên HĐQT độc lập đều là những thành viên có kinh nghiệm, uy tín trong lĩnh vực phụ trách. Vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi và của cổ đông nói chung và cổ đông thiểu số nói riêng;

d. Các tiểu ban/bộ phận trực thuộc HĐQT như Thường trực HĐQT, thành viên phụ trách nhân sự và lương thưởng định kỳ thực hiện đánh giá, giám sát chính sách quản trị công ty cũng như các chính sách liên quan đến lương thưởng của thành viên HĐQT, Ban điều hành theo đúng quy định;

e. Các Thành viên HĐQT liên tục cập nhật, nâng cao kiến thức thông qua việc tham gia các khóa đào tạo về Quản trị chiến lược, Quản lý rủi ro, và các chuyên đề về Hệ thống quản lý công ty, Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp...

► 3.6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ/tháng) ⁽¹⁾		Số tháng áp dụng (tháng) ⁽²⁾	Tổng thù lao năm 2018 (VNĐ)
			Thành viên chuyên trách	Thành viên không chuyên trách		
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	150.000.000	-	12	1.800.000.000
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	90.000.000	-	12	1.080.000.000
3	Trần Trọng Thắng	P. Chủ tịch thường trực	90.000.000	-	12	1.080.000.000
4	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
6	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
8	Phạm Trung Thành	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
Tổng cộng (I)						6.120.000.000
BAN KIỂM SOÁT						
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	90.000.000	-	12	1.080.000.000
2	Trần Công Tráng	Thành viên	-	30.000.000	12	360.000.000
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	-	30.000.000	12	360.000.000
Tổng cộng (II)						1.800.000.000
TỔNG CỘNG (I) và (II)						7.920.000.000

(1) Chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

(2) Tính từ tháng 05/2019 đến hết tháng 04/2020.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Hà Cửu Long	Người nội bộ	897.275	0,95	647.275	0,57	Bán cổ phiếu
2	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	1.088.692	1,15	1.080.692	0,95	Bán cổ phiếu
3	Tạ Công Thanh Vinh	Người nội bộ	61.750	0,07	32.350	0,03	Bán cổ phiếu
4	Hà Thế Phương	Người nội bộ	1.443.279	1,53	1.247.349	1,10	Bán cổ phiếu
5	Nguyễn Hoàng Long	Người nội bộ	55.167	0,06	43.287	0,04	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Văn Thanh	Người nội bộ	264.096	0,28	271.146	0,24	Mua cổ phiếu
7	Phạm Minh Huệ	Người có liên quan	122.415	0,13	112.415	0,10	Bán cổ phiếu

► 3.7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

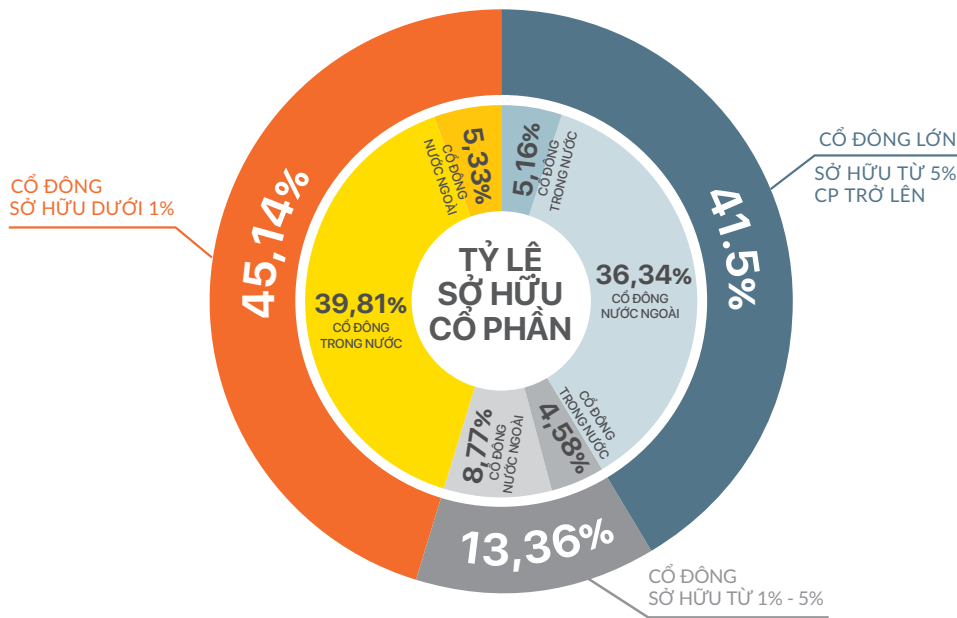
a) Cổ phần:

- **Tổng số cổ phần:** 119.538.893 cổ phần phổ thông,
- **Tổng số cổ phần đang lưu hành:** 119.538.893 cổ phần phổ thông,
- **Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:** 119.538.893 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/05/2020

Tỷ lệ sở hữu cổ phần

STT	Đối tượng	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng cộng	Tỷ lệ % VĐL
		Số CĐ	Số CP	Tỷ lệ % VĐL	Số CĐ	Số CP	Tỷ lệ % VĐL		
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0,00	
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% Vốn CP trở lên)	1	6.170.290	5,16	2	43.436.219	36,34	49.606.509	41,50
3	Cổ đông sở hữu từ 1%-5%	3	5.479.996	4,58	3	10.487.296	8,77	15.967.292	13,36
4	Cổ đông sở hữu dưới 1%	4.896	47.588.519	39,81	103	6.376.573	5,33	53.965.092	45,14
5	Cổ đông khác	0	0	0	0	0	0	0	0,00
TỔNG CỘNG		4.900	59.238.805	49,56	108	60.300.088	50,44	119.538.893	100



*** Cơ cấu cổ đông**

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng		Tỷ lệ (%)
		cổ đông	cổ phiếu (CP)	
1	Cổ phiếu Quỹ	1	1.147.490	0,96%
2	Cổ đông trong nước	4.899	58.091.315	48,60%
2.1	Tổ chức	45	524.605	0,44%
2.2	Cá nhân	4.854	57.566.710	48,16%
3	Cổ đông nước ngoài	108	60.300.088	50,44%
3.1	Tổ chức	28	58.882.653	49,26%
3.2	Cá nhân	80	1.417.435	1,19%
Tổng		5.008	119.538.893	100%

*** Danh sách cổ đông lớn**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP	TỶ LỆ (%)
1	Phạm Việt Khoa	P524-CT4 - ĐT, Mỹ Đình, Mễ Trì, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	6.170.290	5,16
2	CÔNG TY CỔ PHẦN RAITO KOGYO	4-2-35 Kudankita. Chiyoda ku. Tokyo	23.016.840	19,25
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	C/O Pyn Fund Management Ltd. Pl 139 00101. Helsinki. Finland	20.419.379	17,08
Tổng cộng			49.606.509	41,49

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có,

e) **Các chứng khoán khác:** Không có.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu: hoạt động sản xuất, thương mại, đầu tư và xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề. HĐQT đã xây dựng các kịch bản ứng phó với các tác động của dịch bệnh, củng cố và duy trì sự phát triển ổn định của FECON, tích lũy nội lực để tạo đà tăng trưởng trong tương lai ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Năm 2020 là năm đầu tiên trong chu kỳ chiến lược mới của Tập đoàn. Với ý nghĩa quan trọng đó, HĐQT đã đánh giá, xem xét một cách toàn diện các ý kiến, đề xuất của Ban Điều hành Công ty về kế hoạch kinh doanh năm 2020, HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt Kế hoạch kinh doanh 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu đã được điều chỉnh sát với diễn biến tình hình thực tế. Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, toàn Tập đoàn cần tập trung sáng tạo, tận dụng các cơ hội của thị trường, HĐQT cùng Ban điều hành công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao tỷ trọng doanh thu các mảng kinh doanh theo định hướng chiến lược;
- Hiện thực hoá các cơ hội đầu tư, tạo tiền đề đóng góp lợi nhuận cho Tập đoàn;
- Lan tỏa giá trị doanh nghiệp và truyền thông thương hiệu FECON theo tầm nhìn và sứ mệnh giai đoạn mới;
- Tăng cường năng lực về tài chính, đội ngũ & mối quan hệ ... trong các mảng chiến lược mới, đặc biệt là mảng xây dựng công nghiệp và mảng đầu tư;
- Phát triển lực lượng quản lý dự án chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế;
- Kiểm soát chi phí hiệu quả thông qua việc cắt giảm lãng phí;
- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn theo hướng tích hợp tài chính, ngành dọc chuyên môn và hệ thống đo lường KPIs, chi trả lương thưởng đãi ngộ theo mức độ hoàn thành KPIs đã cam kết; và
- Đẩy mạnh khai thác ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong hoạt động doanh nghiệp.

► 4.1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2019	KẾ HOẠCH 2020	TĂNG TRƯỞNG %
Doanh số ký hợp đồng	tỷ đồng	4.100	5.500	34,1%
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	3.092	4.000	29,4%
Doanh thu công ty mẹ	tỷ đồng	1.852	2.500	35,0%
LNST hợp nhất tỷ đồng	tỷ đồng	212	233	10,0%
LNST công ty mẹ	tỷ đồng	193	106	- 45,1%
LNST của cổ đông công ty mẹ	tỷ đồng	201	195	-3,0%
EPS hợp nhất	Đồng/CP	1.863	1.636	-12,2%

► 4.2. Kế hoạch đầu tư vào công ty con và dự án năm 2020-2021

STT	KHOẢN MỤC	2020 (tỷ VNĐ)	2021 (tỷ VNĐ)
1	Đầu tư vào công ty con mảng thị công	128	100
2	Đầu tư, phát triển các dự án năng lượng tái tạo và hạ tầng	196	447
2.1	Dự án điện mặt trời Vinh Hào 6.2 (GD 2) – 130 MW	1	19
2.2	Dự án điện mặt trời Bình Phước – 160 MW	2	5
2.3	Dự án điện gió Gia Lai – 100 MW	2	5
2.4	Dự án điện gió Sóc Trăng – 30 MW (GD2 – 99 MW)	110	48
2.5	Dự án cao tốc Bắc Nam đoạn Quốc lộ 45 – Nghi Sơn		260
2.6	Dự án BT Tỉnh lộ 9		66
2.7	Dự án đô thị Quế Võ, Bắc Ninh – 6 ha	63	
2.8	Dự án khu đô thị Mỹ Hào - Hưng Yên – 206 ha	5	5
2.9	Dự án đô thị Sadéc – Đồng Tháp – 3ha	8	29
2.10	Dự án khu công nghiệp tại Bắc Giang – 190 ha	5	10
TỔNG CỘNG		324	547



CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN GIAI ĐOẠN 2020-2025

Những thành công đã đạt được trong năm qua sẽ là nền tảng vững chắc để FECON tiếp tục có những bước phát triển trong năm 2020 và các năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đã cùng đơn vị tư vấn chiến lược KPMG và các chuyên gia tư vấn đã xây dựng và xác định mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2020 -2025 trong đó tập trung vào các nội dung như sau:

A. Định hướng chiến lược 2020 – 2025

• Tâm nhìn và mục tiêu

✦ *Tâm nhìn:* trở thành tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025, tầm nhìn 2030.

✦ *Mục tiêu:*

- Là nhà thầu và Nhà đầu tư uy tín theo chuẩn quốc tế sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm.
- Tới năm 2025, doanh thu đạt 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 825 tỷ đồng.
- Doanh nghiệp có hệ thống quản trị hiệu quả và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

✦ *Chiến lược kinh doanh:*

Duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện tại

- Duy trì sức cạnh tranh mảng cốt lõi là nền móng, công trình ngầm và kết cấu hạ tầng, tiếp tục đóng góp tỷ trọng doanh thu chính trong thời gian tới;
- Mở rộng thị phần dựa trên tăng trưởng của nền kinh tế và mảng xây dựng hạ tầng, đặc biệt là các loại dự án hạ tầng ngầm, hạ tầng công nghiệp, hạ tầng ven sông biển và trên biển;
- Đáp ứng mức độ cạnh tranh cao so với các tập đoàn xây dựng quốc tế trong tương lai.

✦ *Tăng cường năng lực mảng xây dựng, dân dụng, công nghiệp và EPC*

- Bước đầu thực hiện các dự án theo hình thức EPC đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng tại Việt Nam từ năm 2020;
- Xây dựng và phát triển năng lực và nguồn lực thực hiện các dự án theo hình thức Tổng thầu (EPC) bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp và công trình đô thị; và
- Đạt lợi nhuận cao hơn khi thực hiện dự án với vai trò tổng thầu phần xây dựng kết hợp thực hiện các phần việc liên quan đến năng lực thi công cốt lõi về nền móng & ngầm của FECON.

✦ *Mở rộng đầu tư*

- Hoàn thiện hệ thống quản trị và phát triển đội ngũ làm nhiệm vụ phát triển và thực hiện dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu tăng trưởng mảng đầu tư;
- Tập trung chủ yếu vào lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng sạch & năng lượng tái tạo, phát triển đô thị và khu công nghiệp;

- Phát triển đối tác đầu tư, đối tác tài chính và huy động vốn để hiện thực hóa các cơ hội đầu tư, tạo lợi nhuận tốt và nâng cao vị thế Công ty.

B. Các giải pháp triển khai chiến lược 2020-2025

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện các giải pháp sau:

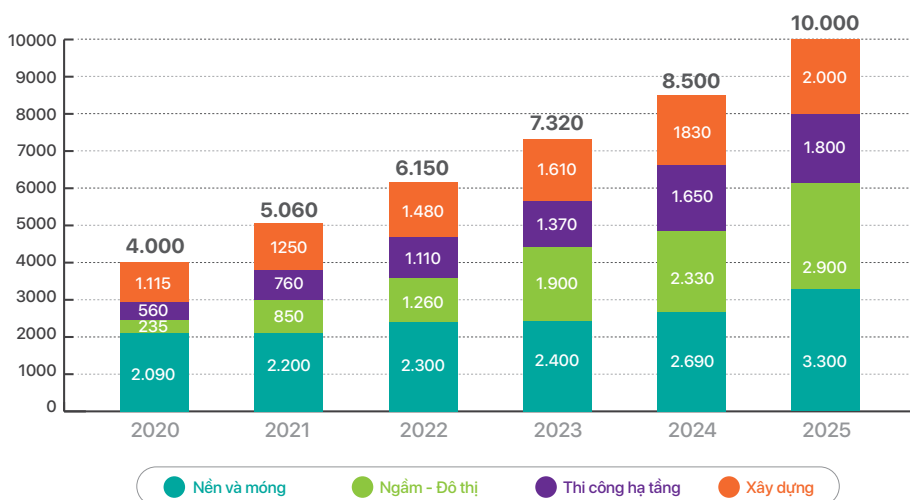
- Tối ưu hóa cấu trúc tổ chức theo mô hình quản trị tập trung và hoàn thiện hệ thống quản trị theo chiến lược 2020-2025;
- Đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động phát triển kinh doanh, đấu thầu nhằm tạo chuyển dịch theo chiến lược mới;
- Mở rộng quy mô hoạt động đầu tư;
- Nâng cao, chuẩn hóa hệ thống tổ chức và điều hành QLDA theo chiến lược giai đoạn 2020 -2025;
- Đầu tư hoạt động R&D và duy trì liên tục sáng kiến cải tiến;
- Truyền thông nâng cao định vị thương hiệu Tập đoàn theo chiến lược giai đoạn 2020 -2025;
- Xây dựng hệ thống quản trị vận hành hiệu quả phù hợp với văn hóa doanh nghiệp, đảm bảo thực thi chiến lược;
- Phát triển đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, hiệu suất cao thích nghi với chiến lược phát triển;
- Đẩy mạnh công tác quản trị chi phí cho toàn hệ thống, khởi động dự án cắt giảm lãng phí trên toàn hệ thống từ tháng 6/2020 và duy trì hàng năm; và
- Triển khai "FECON số hóa", nâng cao năng lực sử dụng CNTT cho Tập đoàn.

C. Kịch bản tăng trưởng giai đoạn 2020-2025

1. Kịch bản tăng trưởng doanh thu

DOANH THU		GIÁ TRỊ (tỷ đồng)					
STT	Lĩnh vực	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nền và móng	2.090	2.200	2.300	2.440	2.690	3.300
2	Ngầm - Đô thị	235	850	1.260	1.900	2.330	2.900
3	Thi công hạ tầng	560	760	1.110	1.370	1.650	1.800
4	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1.115	1.250	1.480	1.610	1.830	2.000
TỔNG CỘNG		4,000	5,060	6,150	7,320	8,500	10,000

Biểu đồ kịch bản tăng trưởng doanh thu 2020-2025 (tỷ VND)



2. Kịch bản tăng trưởng lợi nhuận sau thuế

LỢI NHUẬN							
STT	Lĩnh vực	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nền và móng	85	94	102	115	135	165
2	Ngầm - Đô thị	12	50	82	133	163	203
3	Thi công hạ tầng	28	42	61	75	91	99
4	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	50	75	89	97	110	120
5	Đầu tư	58	80	125	165	200	238
TỔNG CỘNG		233	340	459	585	698	825



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần FECON, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS nhất trí thông qua báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm soát FECON nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Ông Trần Công Tráng, Ông Nguyễn Tiến Thành. Cùng ngày, Ban Kiểm soát đã họp và thống nhất bầu Bà Phạm Thị Hồng Nhung giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát.

Năm 2019, BKS đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ hàng quý với các nội dung chính:

Thời gian	Số thành viên tham dự	Nội dung
Quý II/2019	03/03	Bầu trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 -2024 và phân công nhiệm vụ của các thành viên trong BKS theo phương hướng hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua.
Quý II/2019	03/03	Đánh giá, rà soát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ quý I/2019. Thẩm định báo cáo tài chính quý Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất quý I/2019.
Quý III/2019	03/03	Thẩm định báo cáo tài chính tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2019. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 6 tháng đầu năm 2019.
Quý IV/2019	03/03	Thẩm định báo cáo tài chính quý Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất quý III/2019. Đánh giá, rà soát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ quý III/2019. Xem xét đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu 2019 kế hoạch sản xuất kinh doanh, các mục tiêu chiến lược năm 2019 của Tập đoàn, đưa ra các kiến nghị, đề xuất cải thiện.
Quý I/2020	03/03	Thẩm định báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019. Tổng kết hoạt động của BKS 2019, lập kế hoạch hoạt động 2020 và thông qua báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020.

▣ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2019

- 1. Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM – đơn vị thuộc danh sách đã được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
- 2. Doanh thu hợp nhất Công ty năm 2019 là 3.092 tỷ đạt 74% kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 212 tỷ đạt 60% kế hoạch năm 2019.
- 3. Công ty đã hoàn thành 02 đợt phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ:
 - Tăng 19.503.180 cổ phần để chuyển đổi trái phiếu có quyền chuyển đổi; và
 - Tăng 5.691.151 cổ phần để trả cổ tức 2018.
- 4. Công ty chưa thực hiện đợt phát hành riêng lẻ 25 triệu cổ phần phổ thông cho nhà đầu tư chiến lược.
- 5. Công ty đã hoàn thành bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 29 ngày 10/06/2019 và tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 30 ngày 17/10/2019.
- 6. Công ty đã hoàn thành việc trích lập các Quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và thực hiện trả cổ tức vào tháng 08/2019.
- 7. Công ty đã chi trả thù lao, tiền thưởng năm 2018, thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

▣ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng, có hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Từng thành viên HĐQT, tiểu ban giúp việc của HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT và phân công của Chủ tịch HĐQT: nghiên cứu, thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết có chất lượng, trách nhiệm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo phiên toàn thể và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền để định hướng, chỉ đạo, đảm bảo tình hình hoạt động của toàn hệ thống thông suốt theo đúng chiến lược, kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành tiếp tục được thực hiện theo các quy chế đã ban hành và quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT cho Ban điều hành. Nhìn chung, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất để có các chỉ đạo định hướng cũng như giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề lớn phát sinh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả giám sát Ban điều hành của HĐQT.

▣ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2019, BKS, HĐQT và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích cao nhất của Công ty, của Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật. HĐQT và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, Ban điều hành quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Trong năm, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông/nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

▣ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần FECON đã được lập và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, BKS Công ty có những đánh giá như sau:

- Thống nhất với các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;

• Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: **tỷ đồng**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2019
1	Tổng tài sản	5.647
2	Vốn chủ sở hữu	2.456
3	Kết quả kinh doanh năm 2019	
-	Doanh thu thuần	3.092
-	Tổng lợi nhuận trước thuế	277
-	Lợi nhuận sau thuế	212
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	201
-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) – đồng/ cổ phiếu	1.863

Doanh thu hợp nhất của Công ty trong năm 2019 đạt 3.092 tỷ đồng, mặc dù chỉ bằng 74% kế hoạch về doanh thu nhưng đã tăng 9% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ trong năm 2019 đạt 201 tỷ đồng (tương đương 60% kế hoạch năm), giảm 18% so với năm 2018.

Trong bối cảnh sự cạnh tranh giữa các công ty diễn ra ngày càng khốc liệt, việc duy trì và tăng trưởng các chỉ tiêu về doanh thu so với năm 2018 cũng là một thành tích đáng khích lệ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống FECON.



▣ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Năm 2020 sẽ là năm tiếp tục cho sự đổi mới và phát triển của Công ty cùng với sự chuyển biến tích cực trong quản lý điều hành của các đơn vị thành viên FECON. Do vậy, Ban Kiểm soát đặt ra 06 mục tiêu trọng tâm cho năm kế hoạch 2020 như sau:

Một là, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Hai là, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ trong việc quản trị, điều hành FECON để có các khuyến nghị kịp thời, hợp lý.

Ba là, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và các chính sách quan trọng về tài chính kế toán năm 2020.

Bốn là, quản lý kế hoạch kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống FECON góp phần giảm thiểu rủi ro nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Năm là, giám sát sự biến động về tình hình nắm giữ cổ phần FECON của những cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Sáu là, các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty.



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2019



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



Vai trò của Quản trị rủi ro với Tập đoàn

Quản trị rủi ro là quá trình triển khai các phương pháp và công cụ nhằm nhận diện và đánh giá rủi ro, đưa ra các giải pháp giảm thiểu tổn thất hoặc bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Nguyên tắc quản trị rủi ro của Tập đoàn là tối ưu hoá tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong ngưỡng cho phép.

Quản trị rủi ro là công cụ giúp Ban Lãnh đạo Tập đoàn kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn, tăng mức độ an toàn trong hoạt động kinh doanh và nâng cao vị thế của Tập đoàn.

Hệ thống rủi ro của Tập đoàn FECON

CHIẾN LƯỢC	<ul style="list-style-type: none"> • Yếu tố vĩ mô (kinh tế, chính trị,...) • Rủi ro ngành (gồm cả đối thủ cạnh tranh) • Công nghệ thay đổi • Danh tiếng • Giao dịch chiến lược (đầu tư, mua bán sáp – nhập,...) • Công tác QLCL-KH 	
HOẠT ĐỘNG	VẬN HÀNH	QUẢN LÝ DỰ ÁN
	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh • Kỹ thuật • Cung ứng • Thiết bị • Nhân sự • Tài chính kế toán • Công tác hỗ trợ khác 	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh • Kỹ thuật • Cung ứng • Thiết bị • Nhân sự • Tài chính kế toán • Công tác hỗ trợ khác
TÀI CHÍNH	<ul style="list-style-type: none"> • Tỷ giá • Lãi suất • Biến động giá • Tín dụng thương mại • Đòn bẩy tài chính 	
PHÁP LÝ	<ul style="list-style-type: none"> • Quy định của pháp luật • Điều lệ, chính sách, quy chế Công ty • Hợp đồng, thỏa thuận, cam kết • Ngoài hợp đồng/Pháp 	

Quản lý các rủi ro trọng yếu năm 2019

Tập đoàn đã nhận diện, phân tích, đánh giá và quản lý các nhóm rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

STT	TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
RỦI RO CHIẾN LƯỢC			
1	Rủi ro danh tiếng	Không phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời thông tin tiêu cực bị phát tán trên diện rộng	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành Sổ tay xử lý khủng hoảng truyền thông, tổ chức, hướng dẫn cán bộ nhân viên phương thức ngăn chặn, ứng phó với các nguy cơ dẫn đến khủng hoảng truyền thông Liên tục cập nhật và theo dõi các thông tin truyền thông qua các kênh thông tin đại chúng để kịp thời cảnh báo và đưa ra các hành động kịp thời.
2	Rủi ro khách hàng chiến lược	Các khách hàng quan trọng không tiếp tục liên hệ, giao dịch với Tập đoàn	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên liên hệ với khách hàng, cập nhật chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp với tình hình thực tế
3	Rủi ro cạnh tranh trong ngành	Tập đoàn mất lợi thế cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên phân tích các thay đổi của môi trường, nhu cầu của khách hàng. Từ đó, triển khai các sáng kiến cải tiến công nghệ, chi phí... cung cấp giải pháp tối ưu về giá và công nghệ để củng cố và gia tăng vị thế và thị phần
RỦI RO HOẠT ĐỘNG			
1	Rủi ro cung ứng	Nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời hoặc không được cung cấp đầy đủ cho công trường	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường công tác rà soát, đánh giá Nhà cung cấp Thiết lập và quản lý danh mục Hệ sinh thái Nhà cung cấp thân thiết, đảm bảo cung cấp kịp thời cho công tác triển khai dự án
2	Rủi ro trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh	Kết quả kinh doanh không đạt mục tiêu đề ra	Tăng cường công tác báo cáo, giám sát theo đúng quy trình, và đưa ra các giải pháp kịp thời.
3	Rủi ro an toàn lao động	Xây ra các sự cố nghiêm trọng gây thiệt hại về người và tài sản tại công trường	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thi công; Phổ biến các quy định, yêu cầu về an toàn cho tất cả người lao động làm việc tại các công trường; Yêu cầu các cán bộ an toàn thực hiện chặt chẽ từ việc kiểm tra điều kiện sức khỏe của NLD đến việc đảm bảo điều kiện làm việc an toàn.
RỦI RO TÀI CHÍNH			
1	Rủi ro tín dụng	Chậm trả nợ ngân hàng nên không được vay tiếp hoặc điều kiện vay ngặt nghèo hơn	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh công tác thu tiền đảm bảo thanh toán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng đúng kỳ hạn Tìm kiếm, đàm phán với ngân hàng về thời hạn thanh toán ưu đãi
2	Rủi ro nợ xấu	Không thu hồi được công nợ khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường công tác đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi thực hiện ký kết, thực hiện hợp đồng Rà soát chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng Kiểm soát quy trình thanh quyết toán làm việc với khách hàng theo đúng quy trình.
RỦI RO PHÁP LÝ			
1	Rủi ro về công bố thông tin	Công bố thông tin trễ hạn, không đầy đủ	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật đầy đủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin áp dụng với Công ty niêm yết; Kiểm soát thường xuyên việc tuân thủ quy trình nội bộ về cung cấp và công bố thông tin nhằm đảm bảo việc công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ Thường xuyên trao đổi với đại diện phụ trách của UBCK, sở Giao dịch Chứng khoán ... để kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của thông tin công bố.
2	Rủi ro chính sách pháp luật	Những thay đổi chính sách, pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật thường xuyên ngân hàng văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Phổ biến những thay đổi của quy định cho các bộ phận có liên quan.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Ngay từ khi mới thành lập đến nay và mãi mãi về sau, phương châm của FECON là ích nước lợi nhà. Mọi hoạt động đều hướng đến mục tiêu lâu dài là sự phát triển bền vững của đất nước và đảm bảo lợi ích cho các bên tham gia" – Chủ tịch Phạm Việt Khoa.

Trong triết lý kinh doanh của FECON, phát triển bền vững là kim chỉ nam cho chiến lược dài hạn của Công ty. Tiên phong và am hiểu sâu về công nghệ, bền bỉ xây dựng văn hóa doanh nghiệp, kiên trì từng bước phát triển các dự án năng lượng tái tạo, FECON đã và đang kết hợp mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với mục tiêu thực thi trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và môi trường.

TIÊN PHONG VÀ VỮNG CHẮC VỀ CÔNG NGHỆ, TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI NGHỊ GEOTEC HÀ NỘI LẦN THỨ TƯ

Với mong muốn đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế nước nhà, FECON không ngừng phát triển khoa học công nghệ trong toàn hệ thống.

Điểm nhấn của năm 2019 là Hội nghị quốc tế GEOTEC Hà Nội – Hội nghị quốc tế quy mô nhất Việt Nam về ngành Địa kỹ thuật, nền móng & công trình ngầm do FECON sáng lập và đồng tổ

INTERNATIONAL CONFERENCE ON TECHNOLOGIES FOR SUSTAINABLE INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT

28 – 29, 2019
Hanoi



chức. Với sự vượt trội về số lượng người tham gia, bài tham luận cũng như các diễn giả tham dự, GEOTEC 2019 hướng đến giải quyết 3 mục tiêu chính: Góp phần rút ngắn khoảng cách về khoa học công nghệ giữa Việt Nam và các nước phát triển trong ngành địa kỹ thuật công trình; Hướng đến tạo sân chơi để các nhà khoa học trong nước và quốc tế kết nối với nhau, có cơ hội giao lưu học hỏi, cùng nhau không ngừng phát triển; Tạo diễn đàn kết nối sự tham gia của 3 nhà, bao gồm: nhà quản lý, nhà khoa học và doanh nghiệp để nhanh chóng vận dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào triển khai các dự án để đạt được cùng lúc 3 tiêu chí: an toàn bền vững, thân thiện môi trường và giá thành thấp nhất.

Gần 1.000 đại biểu là chuyên gia quốc tế, trong nước cùng nhiều doanh nghiệp cung cấp các

giải pháp công nghệ trong lĩnh vực nền móng, công trình; 160 diễn giả từ trên 40 quốc gia, vùng lãnh thổ; hơn 260 báo cáo tóm tắt được gửi đến; 185 bài báo khoa học được công bố tại Hội nghị là những con số ấn tượng chứng tỏ được sức hút của sân chơi uy tín dành cho các nhà khoa học trong lĩnh vực địa kỹ thuật trên toàn thế giới này. Với các con số này, GEOTEC HANOI đã phá kỷ lục của kỳ GEOTEC năm 2016. Đặc biệt năm nay, cuốn proceedings của GEOTEC HANOI 2019 cũng được xuất bản trong chuyên san của Springer – một trong những Nhà xuất bản hàng đầu thế giới với tiêu đề: “Các bài giảng trong kỹ thuật xây dựng dân dụng”. Bên cạnh 4 chủ đề đã trở thành truyền thống như Móng sâu, Hầm và Công trình ngầm, Gia cố nền đất, Mô hình số và Quan trắc địa kỹ thuật, GEOTEC 2019 mở rộng đến 2 chủ đề mới trong phát triển bền vững đang rất được quan tâm hiện nay là Trượt lở & Xói mòn và Kỹ thuật nền móng bờ biển.

Việt Nam là nước nằm trong khu vực địa lý có nhiều đe dọa về thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt điều kiện địa chất phức tạp ảnh hưởng đến vận hành và khai thác các công trình. Vì vậy, theo Chủ tịch Phạm Việt Khoa, với mỗi loại công trình, việc lựa chọn giải pháp nền móng tối ưu cho kết cấu hạ tầng là vô cùng quan trọng. Các giải pháp nền móng được quyết định qua nhiều khâu từ nghiên cứu khảo sát địa hình địa chất, đến thiết kế lựa chọn công nghệ phù hợp để thi công xây dựng và sử dụng trong quá trình khai thác. Nhiệm vụ của các nhà khoa học, nhà làm chuyên môn là tìm ra giải pháp và áp dụng công nghệ tối ưu cho mỗi yêu cầu cụ thể, đảm bảo: an toàn bền vững, thân thiện môi trường với giá thành thấp nhất. Bên cạnh việc tổ chức thành công GEOTEC Hà Nội 2019, công tác R&D của FECON luôn





không ngừng được đẩy mạnh. Nhiều công nghệ mới lần đầu tiên tại Việt Nam như: công nghệ lồng thép thủy tinh (softeyes) trong công tác thi công tường vây hay công nghệ Jet Grouting với góc khoan lên tới 45 độ đều được áp dụng tại dự án Metro Line 3 (Hà Nội). Phong trào thường niên “Sáng kiến cải tiến” thu hút đông đảo cán bộ công nhân viên tham gia. Năm 2019, ghi nhận 22 sáng kiến vòng sơ khảo, 15 sáng kiến vào vòng chung khảo với khả năng ứng dụng cao, thiên về các giải pháp kỹ thuật, cải thiện môi trường làm việc. Hội nghị Công nghệ xây dựng lần thứ tư – nơi các anh em kỹ sư có cơ hội tham gia chia sẻ kiến thức, công nghệ và trải nghiệm đam mê nghiên cứu khoa học cũng được tổ chức thành công với các bài trình bày được nghiên cứu công phu và chất lượng.



BỀN BỈ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐẶT YẾU TỐ CON NGƯỜI LÀM TRUNG TÂM

“Tài sản lớn nhất của FECON là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập” đã trở thành một trong những triết lý kinh doanh, kim chỉ nam cho mọi chiến lược, mọi bước đi của FECON trong suốt 15 năm qua. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển bền vững của mình, FECON luôn đặt yếu tố con người làm trung tâm, và năm 2019, hoạt động phát triển con người được FECON tiếp tục triển khai mạnh mẽ.

Các khóa học được thiết lập cho từng đối tượng, chuyên môn khác nhau. FLF là khóa học dành riêng cho các nhà lãnh đạo, quản lý, giúp đội ngũ lãnh đạo FECON nắm chắc kiến thức về quản trị chiến lược, BSC, KPI... góp phần nâng cao hiệu quả làm việc với tư vấn KPMG từ đó đưa ra chiến lược phù hợp với FECON. Chương trình “Phát triển lực lượng quản lý dự án” PMP tiếp tục được triển khai nhằm tập trung phát triển và đào tạo đội ngũ quản lý dự án một cách chuyên nghiệp, thống nhất. Được khởi động từ năm 2017, năm 2019 với nhiều điểm mới khác biệt, đột phá trong Phương pháp đánh giá và hình thức đào tạo phát triển đội ngũ. Khác với khóa đào tạo nền tảng quản lý dự án - PMI 2018 chỉ đào tạo trên lớp, Chương trình phát triển đội ngũ PMP 2019 đã chuyển sang hình thức Huấn luyện/Cố vấn trực tiếp thông qua công việc. Đây là một quá trình hợp tác, đồng hành giữa Huấn luyện/Cố vấn và Người được huấn luyện/Cố vấn nhằm khai mở tư duy, sáng tạo, truyền cảm hứng; từ đó tối ưu khả năng cá nhân và kỹ năng chuyên môn trong công việc. Bên cạnh đó là các khóa học Giải quyết vấn đề, Kỹ năng thuyết trình giúp các học viên FECON nâng cao kỹ năng, cách tư duy để giải quyết vấn đề của bản thân, nắm bắt các phương pháp và công cụ hiệu quả để áp dụng vào công việc tại FECON cũng như cuộc sống.

Song song với đó, các hoạt động hướng tới cộng đồng, đóng góp cho xã hội vẫn luôn được ưu tiên như: Hiến máu nhân đạo; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân ngày 27/7; tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó.... Bên cạnh đó, Công ty đã thúc đẩy hoạt động lan tỏa giá trị cốt lõi của doanh nghiệp thông qua các hoạt động nội bộ. Điểm nhấn lớn nhất trong năm 2019 là chuỗi hoạt động kỷ niệm FECON tròn 15 tuổi với chủ đề “FECON 15 năm – Sẵn sàng bút phá”. Các hoạt động được triển khai từ cuối năm 2018 từ Cuộc thi viết “Tôi yêu FECON” mùa thứ 2; Hội thao mùa xuân - diễn ra từ tháng 3/2019 trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam; Tour công trường và hành trình của lá cờ “Tôi yêu FECON” - mang trái tim FECON đến với các anh em đang ngày đêm làm việc trên công trường; Chương trình “Chào đón bạn về nhà” với sự tham gia 100 anh em – là những công nhân, kỹ sư ở công trường ít hoặc chưa có điều kiện về trụ sở công ty; cho đến sự kiện được chờ đợi nhất – Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập công ty diễn ra vào ngày 17/6 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội ngập tràn cảm xúc. Đây là dịp để tất cả người FECON từ mọi miền cùng nhau hội tụ, gặp gỡ, chia sẻ và nhìn lại những chặng đường đã qua. Từ đó, cùng nhau bước tiếp và sẵn sàng bút phá cho các mục tiêu mới, thách thức mới trong tương lai.





KIẾN TRÌ TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH, PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG, HẠ TẦNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP, VÌ MỘT MÔI TRƯỜNG XANH VÀ BỀN VỮNG

Việt Nam là quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, có tiềm năng rất lớn về năng lượng sạch, nhất là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Trước bối cảnh đó, với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về phát triển hạ tầng tại Việt Nam, FECON đã và đang phát triển đầu tư vào hạ tầng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Ngày 18/6/2019, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 chính thức vận hành thương mại. Được khởi công từ tháng 10/2018, trải qua hơn 8 tháng thi công, Vĩnh Hảo 6 là dự án đầu tiên ở Bình Thuận hoàn tất kiểm tra điều kiện và đóng điện ngày 7/6 và hoàn tất thủ tục COD vào 18/6. Với tổng vốn đầu tư 1.249 tỷ đồng, trên diện tích 60 ha với công suất thiết kế 50 MWp, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 là dự án đầu tư năng lượng đầu tiên của FECON trong chiến lược “đi bằng hai chân” - triển khai song song hai mảng là Đầu tư và Thi công và là một dấu mốc quan trọng giúp FECON củng cố niềm tin và tiến một bước sâu hơn, quyết liệt hơn nhằm hiện thực hóa chiến lược đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng năng lượng trong 5 năm tới (2020 - 2025).

Với phương châm “xanh và bền vững”, bên cạnh các dự án năng lượng mặt trời, từ cuối năm 2019, FECON cũng đang nghiên cứu đầu tư các dự án điện gió tại các tỉnh miền Trung Nam Bộ và Tây Nam Bộ, đồng thời công ty cũng bắt đầu bước chân vào phát triển các dự án đô thị sinh thái và khu công nghiệp xanh tại các đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn. Đây là một trong những tín hiệu khả quan để FECON tiếp tục chinh phục các thị trường tiềm năng trong năm 2020, 2021 và các năm tiếp theo.

Từ nay trở đi, việc hợp tác với các tập đoàn năng lượng lớn trên thế giới, đến việc đầu tư vào các dự án điện mặt trời, điện gió, năng lượng sạch sẽ không còn là giấc mơ xa vời với người FECON, đóng góp một phần nhỏ bé vào sự ổn định của an ninh năng lượng Việt Nam trong tương lai gần.

PHẦN 04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trang 72

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 75

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Trang 76

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Trang 78

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Trang 79

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trang 80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 30 ngày 17/10/2019 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: 1.195.388.930.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm chín mươi lăm tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở. Mã cổ phiếu: FCN.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty CP Năng Lượng FECON, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty cổ phần Thiết bị FECON, Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar.

Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON (Trước đây là Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON Shanghai Harbour) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần xử lý nền FECON Shanghai Harbour theo giấy chứng nhận đầu tư số 011032002204 ngày 17 tháng 01 năm 2014. Công ty cổ phần FECON nắm giữ 87% vốn thực góp. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON là Công ty cổ phần Fecon Miltec.

Trường PTTH Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thục theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần FECON.

Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON (Tên cũ Công ty cổ phần Hạ tầng Fecon) tiền thân là Công ty Cổ phần FECON Holdings, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106393689 ngày 18/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 01/12/2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 51,96% vốn thực góp trực tiếp và sở hữu gián tiếp qua Công ty Công ty CP Năng Lượng FECON là 37,07% vốn góp thực tế. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON là Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI.

Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 011032002731 do UBND Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2014. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 55,78% vốn thực góp.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty CP Nông nghiệp thông minh FECON), được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107254215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2015 Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 78,95% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần FECON South được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313876483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/06/2016. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 96,5% vốn thực góp.

Công ty CP Năng Lượng FECON (trước đây Công ty TNHH đầu tư hạ tầng FECON) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107641750 ngày 22/11/2016, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,99% vốn thực góp.

FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD được thành lập và hoạt động tại Myanmar, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 60% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2801128982 ngày 11 tháng 01 năm 2008; đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ bảy (07) ngày 18 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ của Công ty là: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng). Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 64% vốn thực góp.

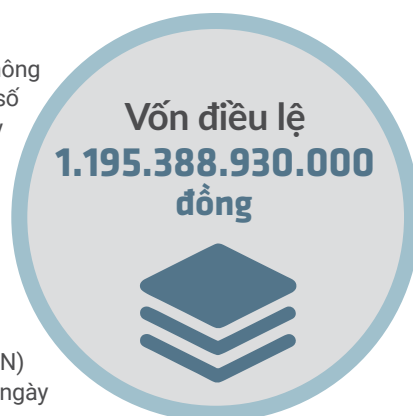
Công ty cổ phần Thiết bị FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400499047 ngày 14/11/2018, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,99% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108620312 ngày 27/02/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 98,89% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108620305 ngày 25/02/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,82% vốn điều lệ.

Công ty CP thi công cọc và xây dựng FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108841985 ngày 26/7/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,91% vốn điều lệ

FECON Trung Chính Myanmar được thành lập và hoạt động tại Myanmar, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 51% vốn thực điều lệ.(đồng). Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 51% vốn thực góp.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****► Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Hà Cửu Long	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Phạm Trung Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Nguyễn Song Thanh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Takano Satoshi	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2019)
Ông Satoyuki Yamane	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2019)

► Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/02/2020)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6/02/2020)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện phát sinh như thuyết minh 6.2 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 07/4/2020, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

► Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

► Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

► Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 387/2020/BCKT-BCTC/CPAVIETNAM ngày 30/3/2020 do thay đổi người đại diện Công ty kiểm toán ký báo cáo và Công ty lập lại Báo cáo tài chính vào ngày 07/4/2020 do đính chính chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước (MS 421a), Tổng nguồn vốn (MS 440) và Thuyết minh chi tiết tăng giảm vốn chủ sở hữu



VŨ NGỌC AN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020
của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2020

NGUYỄN THỊ MAI HOA

KIỂM TOÁN VIÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT



		MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.501.536.433.610	3.650.758.200.462
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	236.464.914.224	192.527.689.473
1.	Tiền	111		199.349.914.224	106.977.186.607
2.	Các khoản tương đương tiền	112		37.115.000.000	85.550.502.866
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.857.294.488	751.912.307
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	55.857.294.488	751.912.307
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.363.084.117.318	2.771.455.087.578
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.571.166.310.900	2.140.009.913.089
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	107.268.651.323	120.536.947.855
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	96.019.104.167	4.677.166.667
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	590.712.396.039	508.313.405.078
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.082.345.111)	(2.082.345.111)
IV.	Hàng tồn kho	140		675.398.883.653	520.741.298.768
1.	Hàng tồn kho	141	5.7	675.398.883.653	520.741.298.768
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		170.731.223.927	165.282.212.336
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	7.766.362.744	4.063.060.917
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.185.783.107	9.179.259.022
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	22.118.076	151.075.548
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		157.756.960.000	151.888.816.849
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.145.924.226.816	1.072.493.655.881
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		31.121.859.445	41.659.323.993
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	1.539.600.025	-
2.	Phải thu dài hạn khác	216	5.6	29.582.259.420	41.659.323.993
II.	Tài sản cố định	220		678.215.037.558	746.987.224.559
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	479.521.798.266	460.347.952.731
-	Nguyên giá	222		817.812.478.642	740.578.839.643
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.290.680.376)	(280.230.886.912)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	140.525.224.657	154.653.911.308
-	Nguyên giá	225		170.259.119.384	203.104.124.266
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.733.894.727)	(48.450.212.958)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	58.168.014.635	131.985.360.520
-	Nguyên giá	228		71.985.003.088	150.790.413.807
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.816.988.453)	(18.805.053.287)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		53.683.189.093	65.146.984.845
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	53.683.189.093	65.146.984.845
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		310.757.816.009	182.375.573.509
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	186.677.242.500	84.495.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	123.880.573.509	97.880.573.509
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	200.000.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		72.146.324.711	36.324.548.975
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	71.099.260.530	35.499.834.233

2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		272.986.925	-
3.	Lợi thế thương mại	269		774.077.256	824.714.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		270		5.647.460.660.426	4.723.251.856.343
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.191.627.752.927	2.789.037.693.122
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.803.785.441.878	2.172.173.024.332
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	845.542.070.570	803.043.575.940
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	126.748.638.075	119.141.766.943
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	122.546.531.869	84.946.719.676
4.	Phải trả người lao động	314		12.655.087.959	9.670.912.821
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	827.890.659.668	501.541.709.261
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	108.837.558.195	100.255.236.535
10.	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	5.19	753.922.420.538	547.711.952.510
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.642.475.004	5.861.150.646
II.	Nợ dài hạn	330		387.842.311.049	616.864.668.790
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3.126.774.960	213.449.730
8.	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	5.19	379.581.062.855	331.591.028.016
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	5.20	-	279.187.288.497
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.134.473.234	5.872.902.547
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.455.832.907.499	1.934.214.163.221
(400 = 410+430)					
I	Vốn chủ sở hữu	410	5.21	2.455.832.907.499	1.934.214.163.221
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.195.388.930.000	943.445.620.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.195.388.930.000	943.445.620.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		418.206.069.395	285.737.869.395
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	48.312.711.503
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		285.327.260.365	219.518.888.438
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		335.827.353	429.244.164
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		300.744.819.137	306.839.463.123
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.165.380.088	60.602.389.484
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		200.579.439.049	246.237.073.639
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		255.830.001.249	129.930.366.598
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		440		5.647.460.660.426	4.723.251.856.343

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT



STT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	3.091.651.475.015	2.846.284.569.828
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		460.125.000	738.798.857
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.091.191.350.015	2.845.545.770.971
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.23	2.656.871.191.247	2.417.982.333.909
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		434.320.158.768	427.563.437.062
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	210.658.393.645	333.760.173.263
7.	Chi phí tài chính	22	5.25	179.413.305.315	347.417.595.990
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		83.054.243.144	91.154.672.479
8.	Phân lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	5.26	18.934.170.307	13.306.299.541
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	165.465.268.422	129.359.192.171
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		281.165.808.369	271.240.522.623
12.	Thu nhập khác	31	5.27	9.893.459.570	56.721.837.551
13.	Chi phí khác	32	5.27	14.468.378.019	21.680.371.846
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.27	(4.574.918.449)	35.041.465.705
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		276.590.889.920	306.281.988.328
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	63.733.225.003	55.019.824.727
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.296.700.267	2.562.792.228
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		211.560.964.650	248.699.371.373
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		200.579.439.049	246.237.073.639
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.981.525.601	2.462.297.734
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	1.863	2.957

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIỆN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT



STT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		276.590.889.920	306.281.988.328
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		76.343.935.000	73.746.872.664
	- Các khoản dự phòng	03		-	(880.812.732)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		192.737.854	2.247.230.970
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(108.044.737.183)	(96.040.388.998)
	- Chi phí lãi vay	06		83.054.243.144	91.154.672.479
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		328.137.068.735	376.509.562.711
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(418.804.938.163)	(584.150.635.760)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(154.657.584.885)	(99.192.442.427)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		425.437.875.063	288.257.502.867
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.302.728.124)	8.407.971.097
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(83.376.347.594)	(90.832.568.029)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(65.833.878.248)	(51.223.614.480)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	14.486.324.060
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.196.024.833)	(19.502.840.003)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.596.558.049)	(157.240.739.964)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.335.563.275)	(231.791.940.216)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.026.456.619	28.265.508.808
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(146.447.319.681)	(5.387.166.667)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	114.605.717
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(105.182.242.500)	(307.828.981.250)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		189.002.920.000	102.582.374.940
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.205.004.461	49.772.068.948
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.730.744.376)	(364.273.529.720)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	519.999.505.574
3.	Tiền thu từ cho vay	33		1.940.485.342.721	1.393.698.598.795
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.633.778.310.888)	(1.329.584.150.841)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(52.506.528.966)	(57.625.929.308)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.936.231.000)	(44.936.456.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		197.264.271.867	481.551.568.220
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		43.936.969.442	(39.962.701.464)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		192.527.689.473	233.542.428.764
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		255.309	(1.052.037.827)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		236.464.914.224	192.527.689.473

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

► 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 30 ngày 17/10/2019 về việc tăng vốn điều lệ.

- **Vốn điều lệ:** 1.195.388.930.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm chín mươi lăm tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)
- **Số lao động bình quân trong năm 2018:** 1.860 người

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở. Mã cổ phiếu: FCN.

- **Trụ sở chính:** Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- **Tổng số lao động bình quân trong năm 2019:** 1.392 lao động

► 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

► 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty cổ phần thiết bị Fecon	64,69%	64,69%
Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1	99,89%	99,89%
Công ty cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	99,82%	99,82%
Công ty CP thi công cọc và xây dựng FECON	99,91%	99,91%
FECON Trung Chính Myanmar	51,00%	51,00%
Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON (trước đây Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour)	87%	87%
Trường THPT Ý Yên	67,74%	67,74%
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON (Tên cũ Công ty cổ phần Hạ tầng Fecon)	51,96%	51,96%
Công ty CP Công trình ngầm FECON	55,78%	55,78%

Công ty Cổ phần FECON SOUTH	96,5%	96,5%
Công ty CP Năng Lượng FECON (trước đây Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng FECON)	99,995%	99,995%
Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty CP Nông nghiệp thông minh FECON)	78,95%	78,95%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	60%	60%
Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng	64,00%	64,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	40%	40%
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49%	49%

► 4.1 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

► Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

► Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

► Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông

không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty CP Năng Lượng FECON, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty cổ phần Thiết bị FECON, Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2019.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao

gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó..

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc: Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

► Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

► Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

► Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

► Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

► Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

► Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

► Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

► Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

► Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm

nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

► Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

► Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

► Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

► Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo lãi suất thực tế từng hợp đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

► Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

► Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

• Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

► Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

► Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

► Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- + Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	64.219.032.806	53.507.131.801
Tiền gửi ngân hàng	135.130.881.418	53.470.054.806
Các khoản tương đương tiền	37.115.000.000	85.550.502.866
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>37.115.000.000</i>	<i>85.550.502.866</i>
Tổng	236.464.914.224	192.527.689.473

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	55.857.294.488	55.857.294.488	751.912.307	751.912.307
Tiền gửi có kỳ hạn	55.857.294.488	55.857.294.488	751.912.307	751.912.307
Dài hạn	200.000.000	200.000.000	-	-
Trái phiếu kỳ hạn 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000	200.000.000	-	-
Tổng	56.057.294.488	56.057.294.488	751.912.307	751.912.307

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 (VND)
Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.571.166.310.900	2.140.009.913.089
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	64.994.403.945	72.889.755.169
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	79.153.021.252	145.331.464.016
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	98.452.308.255	123.019.677.823
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	54.703.685.162	208.049.937.494
Công ty CP Địa ốc Đại Quang Minh	-	14.641.149.220
Công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương	36.562.834.292	-
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	125.291.987.055	-
Trường đại học Phenikaa	106.138.635.863	-
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	121.411.798.424	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	86.860.462.745	-
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	83.341.992.690	-
Công ty CP Gamuda Land (HCMC)	183.358.921.088	-
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Hyundai	98.386.536.370	-
Phải thu các đối tượng khác	1.432.509.723.759	1.576.077.929.367
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.539.600.025	-
Phải thu các đối tượng khác	1.539.600.025	-
Tổng	2.572.705.910.925	2.140.009.913.089

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon	-	2.885.916.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Xây dựng 69	8.458.630.589	9.707.371.724
Các đối tượng khác	58.810.020.734	67.943.660.131
<i>Trong đó trả trước các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>		
Tổng	107.268.651.323	120.536.947.855

5.5. Phải thu cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty cổ phần tổng hợp xây dựng công trình 69	634.104.167	592.166.667
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	91.300.000.000	-
Ông Phạm Quốc Hùng	4.085.000.000	4.085.000.000
<i>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>		
	96.019.104.167	4.677.166.667

5.6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	590.712.396.039	-	508.313.405.078	-
Công ty Cổ phần Japan Expressway International	-	-	4.410.000.000	-
Công ty Cổ phần Central Nippon Expressway	-	-	1.890.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
ACWA Power Vietnam Renewables Pte. Ltd.	4.892.000.000	-	156.977.731.250	-
Phải thu khác	215.957.476.009	-	30.401.897.337	-
Tạm ứng	358.312.976.350	-	297.118.187.595	-
Ký cược, ký quỹ	7.134.110.070	-	13.099.755.286	-
Phải thu dài hạn khác	29.582.259.420	-	41.659.323.993	-
Các khoản phải thu khác	-	-	167.995.280	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	29.582.259.420	-	41.491.328.713	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>				
Tổng	620.294.655.459	-	549.972.729.071	-

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	275.147.863	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.361.536.562	-	26.214.097.083	-
Công cụ, dụng cụ	1.466.492.294	-	1.226.191.658	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	604.970.493.527	-	469.825.522.351	-
Thành phẩm	14.900.451.648	-	9.390.856.129	-
Hàng hóa	29.420.141.117	-	13.334.296.044	-
Hàng gửi bán	279.768.505	-	475.187.640	-
Tổng	675.398.883.653	-	520.741.298.768	-

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	7.766.362.744	4.063.060.917
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	252.728.172	1.479.209.048
Chi phí bảo hiểm	563.529.701	371.989.196
Chi phí thuê văn phòng	290.389.952	393.597.480
Chi phí mua phần mềm	1.021.553.583	-
Chi phí sửa chữa	305.332.050	252.882.208
Chi phí khác	5.332.829.286	1.565.382.985
Dài hạn	71.099.260.530	35.499.834.233
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	13.514.046.968	17.981.251.401
Chi phí đền bù, GPMB đường vận tải	1.273.079.096	2.364.289.750
Chi phí sửa chữa	4.063.844.140	3.681.006.777
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	33.994.240.886	4.331.768.762
Chi phí phần mềm	180.811.278	409.759.789
Phí bảo hiểm	-	492.984.383
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí khác	11.782.005.623	2.317.061.541
Chi phí khác	6.291.232.539	3.921.711.830
Tổng	78.865.623.274	39.562.895.150

5.9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	41.963.723.436	607.252.527.384	43.068.670.720	2.851.812.498	45.442.105.605	740.578.839.643
Tăng trong năm	37.974.717.805	123.084.977.421	2.528.310.909	150.940.909	919.989.670	164.658.936.714
Mua trong năm	-	35.540.861.967	2.528.310.909	150.940.909	919.989.670	39.140.103.455
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	84.448.740.454	-	-	-	84.448.740.454
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.576.551.182	3.052.375.000	-	-	-	20.628.926.182
Phân loại lại	20.398.166.623	43.000.000	-	-	-	20.441.166.623
Giảm trong năm	-	67.911.001.442	6.582.154.781	-	12.932.141.492	87.425.297.715
Thanh lý, nhượng bán	-	66.630.601.442	5.491.245.690	-	12.253.656.822	84.375.503.954
Phân loại lại	-	1.280.400.000	-	-	678.484.670	1.958.884.670
Giảm khác	-	-	1.090.909.091	-	-	1.090.909.091
Số dư tại 31/12/2019	79.938.441.241	662.426.503.363	39.014.826.848	3.002.753.407	33.429.953.783	817.812.478.642
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	11.191.580.372	233.440.740.436	22.189.388.658	1.382.483.884	12.026.693.562	280.230.886.912
Tăng trong năm	2.110.347.978	77.603.460.941	3.519.355.603	1.572.596.062	4.511.159.780	89.316.920.364
Khấu hao trong năm	1.844.409.997	45.677.351.553	3.519.355.603	1.572.596.062	4.511.159.780	57.124.872.995
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	31.926.109.388	-	-	-	31.926.109.388
Tăng hợp nhất	265.937.981	-	-	-	-	265.937.981
Giảm trong năm	-	25.825.821.352	2.600.692.006	-	2.830.613.542	31.257.126.900
Thanh lý, nhượng bán	-	25.773.202.174	2.285.735.997	-	2.799.232.834	30.858.171.005
Phân loại	-	52.619.178	-	-	31.380.708	83.999.886
Giảm khác	-	-	314.956.009	-	-	314.956.009
Số dư tại 31/12/2019	13.301.928.350	285.218.380.025	23.108.052.255	2.955.079.946	13.707.239.800	338.290.680.376
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2019	30.772.143.064	373.811.786.948	20.879.282.062	1.469.328.614	33.415.412.043	460.347.952.731
Tại 31/12/2019	66.636.512.891	377.208.123.338	15.906.774.593	47.673.461	19.722.713.983	479.521.798.266

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 188.466.460.909
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 60.375.239.144

5.10 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	203.104.124.266	-	203.104.124.266
Tăng trong năm	49.197.992.374	2.308.743.198	51.506.735.572
Mua trong năm	49.197.992.374	2.308.743.198	51.506.735.572
Giảm trong năm	84.351.740.454	-	84.351.740.454
Mua lại tài sản thuê tài chính	84.351.740.454	-	84.351.740.454
Số dư tại 31/12/2019	167.950.376.186	2.308.743.198	170.259.119.384
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	48.450.212.958	-	48.450.212.958
Tăng trong năm	12.952.127.312	257.663.845	13.209.791.157
Khấu hao trong năm	12.952.127.312	257.663.845	13.209.791.157
Giảm trong năm	31.926.109.388	-	31.926.109.388
Mua lại tài sản thuê tài chính	31.926.109.388	-	31.926.109.388
Số dư tại 31/12/2019	29.476.230.882	257.663.845	29.733.894.727
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	154.653.911.308	-	154.653.911.308
Tại 31/12/2019	138.474.145.304	2.051.079.353	140.525.224.657

5.11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	109.623.759.122	13.195.889.771	-	27.045.647.657	925.117.257	150.790.413.807
Tăng trong năm	-	-	241.800.000	910.720.000	-	1.152.520.000
Mua trong năm	-	-	241.800.000	910.720.000	-	1.152.520.000
Giảm trong năm	79.957.930.719	-	-	-	-	79.957.930.719
Thanh lý, nhượng bán	12.979.837.500	-	-	-	-	12.979.837.500
Phân loại lại	66.978.093.219	-	-	-	-	66.978.093.219
Số dư tại 31/12/2019	29.665.828.403	13.195.889.771	241.800.000	27.956.367.657	925.117.257	71.985.003.088
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	11.280.531.448	3.459.923.904	-	3.665.863.506	398.734.429	18.805.053.287
Tăng trong năm	1.535.617.034	942.563.556	22.689.452	3.462.174.814	46.225.992	6.009.270.848
Khấu hao trong năm	1.535.617.034	942.563.556	22.689.452	3.462.174.814	46.225.992	6.009.270.848
Giảm trong năm	10.997.335.682	-	-	-	-	10.997.335.682
Thanh lý, nhượng bán	4.985.408.467	-	-	-	-	4.985.408.467
Phân loại lại	6.011.927.215	-	-	-	-	6.011.927.215
Số dư tại 31/12/2019	1.818.812.800	4.402.487.460	22.689.452	7.128.038.320	444.960.421	13.816.988.453
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2019	98.343.227.674	9.735.965.867	-	23.379.784.151	526.382.828	131.985.360.520
Tại 31/12/2019	27.847.015.603	8.793.402.311	219.110.548	20.828.329.337	480.156.836	58.168.014.635

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí xây dựng Nhà xưởng Lương Sơn - Hòa Bình	20.781.651.159	15.680.150.891
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	13.882.293.080	11.969.246.220
Dự án đường mở giai đoạn 3	1.146.510.850	9.582.043.000
Dự án đường nội bộ mở	-	9.141.019.032
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	690.647.657	690.647.657
Dự án lắp đặt dây chuyển 2	3.963.740.308	3.963.740.308
Hệ thống băng tải	-	3.052.375.000
Dự án mở rộng mỏ	2.903.777.199	-
Sửa chữa sàn nghiêng	72.802.500	-
Mua sắm tài sản cố định	10.241.766.340	9.790.648.654
Sửa chữa, cải tạo văn phòng điều hành trạm trộn	-	1.277.114.083
Tổng	53.683.189.093	65.146.984.845

5.13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			186.677.242.500		84.495.000.000	
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49%	49%	24.500.000.000		24.500.000.000	
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	40%	40%	162.177.242.500		59.995.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác			123.880.573.509		97.880.573.509	
Công ty cổ phần Khoáng sản FECON	10,95%	10,95%	45.201.592.259		45.201.592.259	
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCPT	9,35%	9,35%	14.868.981.250		14.868.981.250	
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	7.000.000.000		-	
Công ty cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	16.000.000.000		-	
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000		37.810.000.000	
Công ty cổ phần điện gió HLP Quảng Trị			3.000.000.000		-	
			-	-	-	
Tổng			310.557.816.009	(*)	182.375.573.509	(*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.14. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	845.542.070.570	845.542.070.570	803.043.575.940	803.043.575.940
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	139.618.370.982	139.618.370.982	161.529.488.758	161.529.488.758
GEOHARBOUR Limited	-	-	36.876.978.577	36.876.978.577
Các đối tượng khác	705.923.699.588	705.923.699.588	604.637.108.605	604.637.108.605
b. Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>				
Tổng	845.542.070.570	845.542.070.570	803.043.575.940	803.043.575.940

5.15 Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	17.577.178.920	20.761.761.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	-	6.979.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Sports City	12.011.602.667	-
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	25.662.708.839	-
Công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương	-	49.886.196.789
Các đối tượng khác	70.747.147.649	40.764.808.654
<i>Trong đó ứng trước các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>		
Tổng	126.748.638.075	119.141.766.943

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
Phải nộp	84.946.719.676	180.959.944.444	143.360.132.251	122.546.531.869
Thuế giá trị gia tăng	30.892.653.652	87.511.418.432	51.409.900.490	66.994.171.594
- Phát sinh trong năm	30.892.653.652	87.298.059.548	51.196.541.606	66.994.171.594
- Truy thu năm trước	-	213.358.884	213.358.884	-
Thuế XNK	-	847.951.287	847.951.287	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.845.998.051	68.513.628.712	65.833.878.248	47.525.748.515
- Phát sinh trong năm	44.845.998.051	63.733.225.003	61.097.731.550	47.481.491.504
- Phạt chậm nộp thuế	-	4.780.403.709	4.736.146.698	44.257.011
Thuế thu nhập cá nhân	2.491.221.215	14.442.362.601	14.708.856.658	2.224.727.158
Thuế tài nguyên	111.564.967	1.711.562.967	1.773.443.175	49.684.759
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	123.645.994	-	-	123.645.994
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp	-	563.284.544	563.284.544	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.481.635.797	7.369.735.901	8.222.817.849	5.628.553.849
Tổng	84.946.719.676	180.959.944.444	143.360.132.251	122.546.531.869

5.17. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	827.890.659.668	501.541.709.261
Lãi vay phải trả	-	322.104.450
Trích trước chi phí các công trình	827.890.659.668	501.219.604.811
Tổng	827.890.659.668	501.541.709.261

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	108.837.558.195	100.255.236.535
Tài sản thiếu chờ xử lý	94.613.100	-
Kinh phí công đoàn	856.844.549	653.616.216
Bảo hiểm xã hội	914.338.035	358.130.509
Bảo hiểm y tế	332.153.387	113.778.680
Bảo hiểm thất nghiệp	165.225.503	50.934.186
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	230.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	106.244.383.621	99.078.776.944
<i>Công ty CP đầu tư XD và thương mại Quốc tế</i>	-	6.018.147.489
<i>Công ty TNHH Geoharbour Holding (1)</i>	27.839.423.224	37.095.000.000
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Fecon</i>	5.462.271.836	5.462.271.836
<i>Viện nền móng và công trình Ngầm Fecon</i>	1.000.000.000	-
<i>Trần Văn Nam</i>	-	8.736.259.995
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	71.942.688.561	41.767.097.624
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>		
Dài hạn	-	-
Tổng	108.837.558.195	100.255.236.535

(1) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

5.19. Vay và nợ thuế tài chính

A. Vay	31/12/2019			Trong năm			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	753.922.420.538	753.922.420.538	1.661.182.799.910	1.454.972.331.882	547.711.952.510	547.711.952.510	547.711.952.510	547.711.952.510	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	290.631.743.138	290.631.743.138	803.382.024.349	661.158.006.138	148.407.724.927	148.407.724.927	148.407.724.927	148.407.724.927	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (2)	245.474.105.700	245.474.105.700	372.249.008.102	279.648.226.474	152.873.324.072	152.873.324.072	152.873.324.072	152.873.324.072	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	180.000.000	180.000.000	61.868.560.867	103.369.534.540	41.680.973.673	41.680.973.673	41.680.973.673	41.680.973.673	
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	-	-	15.587.206.372	79.597.933.932	64.010.727.560	64.010.727.560	64.010.727.560	64.010.727.560	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (4)	-	-	23.083.388.828	36.330.792.668	13.247.403.840	13.247.403.840	13.247.403.840	13.247.403.840	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	24.099.619.590	24.099.619.590	46.756.886.480	36.062.853.659	13.405.586.769	13.405.586.769	13.405.586.769	13.405.586.769	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	28.146.237.337	28.146.237.337	74.258.729.429	96.904.995.955	50.792.503.863	50.792.503.863	50.792.503.863	50.792.503.863	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	19.747.917.774	19.747.917.774	30.607.467.664	16.224.165.067	5.364.615.177	5.364.615.177	5.364.615.177	5.364.615.177	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Bến Thành	-	-	2.390.602.695	2.390.602.695	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	13.478.726.872	13.478.726.872	32.977.894.141	19.499.167.269	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (5)	28.074.722.673	28.074.722.673	48.598.480.291	66.028.355.647	45.504.598.029	45.504.598.029	45.504.598.029	45.504.598.029	
NH TMCP Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ (6)	73.856.763.194	73.856.763.194	115.439.966.432	44.192.697.838	2.609.494.600	2.609.494.600	2.609.494.600	2.609.494.600	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (7)	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	-	
Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hà Nội Branch	1.731.584.260	1.731.584.260	1.731.584.260	-	-	-	-	-	
Vay các cá nhân	3.501.000.000	3.501.000.000	7.251.000.000	13.565.000.000	9.815.000.000	9.815.000.000	9.815.000.000	9.815.000.000	
Tăng hợp nhất vay cá nhân	-	-	-	-	-	-	-	-	
Vay dài hạn	297.249.447.117	297.249.447.117	218.706.412.159	178.805.979.006	257.349.013.964	257.349.013.964	257.349.013.964	257.349.013.964	
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	10.610.614.260	10.610.614.260	2.354.614.260	5.496.000.000	13.752.000.000	13.752.000.000	13.752.000.000	13.752.000.000	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Láng Hòa Lạc	1.669.800.000	1.669.800.000	-	435.600.000	2.105.400.000	2.105.400.000	2.105.400.000	2.105.400.000	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1	57.145.334.271	57.145.334.271	4.634.917.906	37.649.827.006	90.160.243.371	90.160.243.371	90.160.243.371	90.160.243.371	
SHOWA LEASING „LTD	3.132.000.000	3.132.000.000	-	2.445.600.000	5.577.600.000	5.577.600.000	5.577.600.000	5.577.600.000	
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei (10)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032	44.009.705.032	44.009.705.032	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	952.093.336	952.093.336	-	952.093.332	1.904.186.668	1.904.186.668	1.904.186.668	1.904.186.668	
Cty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	1.730.833.335	1.730.833.335	2.010.000.000	279.166.665	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	-	-	-	213.428.893	213.428.893	213.428.893	213.428.893	213.428.893	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	6.600.366.890	6.600.366.890	7.589.680.000	1.465.763.110	476.450.000	476.450.000	476.450.000	476.450.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Kinh Đô	2.548.699.993	2.548.699.993	3.267.199.993	718.500.000	-	-	-	-	
Trái phiếu thường									
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (8)	99.000.000.000	99.000.000.000	99.000.000.000	99.150.000.000	99.150.000.000	99.150.000.000	99.150.000.000	99.150.000.000	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (9)	69.850.000.000	69.850.000.000	99.850.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-	
Thuế tài chính	82.331.615.738	82.331.615.738	60.596.130.652	52.506.528.966	74.242.014.052	74.242.014.052	74.242.014.052	74.242.014.052	
Cty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.453.079.105	9.453.079.105	-	5.550.781.596	15.003.860.701	15.003.860.701	15.003.860.701	15.003.860.701	
Cty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	955.000.000	955.000.000	-	17.439.000.000	18.394.000.000	18.394.000.000	18.394.000.000	18.394.000.000	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	38.573.676.123	38.573.676.123	24.859.192.857	24.327.263.449	38.041.746.715	38.041.746.715	38.041.746.715	38.041.746.715	
Cty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính NH Sài Gòn Thương Tín	1.490.866.636	1.490.866.636	-	1.311.540.000	2.802.406.636	2.802.406.636	2.802.406.636	2.802.406.636	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challease - Chi nhánh Hà Nội	14.923.393.597	14.923.393.597	18.801.337.518	3.877.943.921	-	-	-	-	
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust - CN Hà Nội	16.935.600.277	16.935.600.277	16.935.600.277	-	-	-	-	-	
Tổng	1.133.503.483.393	1.133.503.483.393	1.940.485.342.721	1.686.284.839.854	879.302.980.526	879.302.980.526	879.302.980.526	879.302.980.526	

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/132625/HĐTD ngày 02/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và CTCP Fecon. Hạn mức cấp tín dụng 1.100 tỷ trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn 500 tỷ, hạn mức bảo lãnh 600 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/9/2020; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng cụ thể.

Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV - Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/6863256/HĐTD ngày 29/10/2015. Tổng số tiền vay VND tối đa tương đương 195,338,90 USD quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay: Đầu tư tài sản là Máy bơm cường độ cao High Pressure pump, nhãn hiệu SOILMEC 7t-505J để nâng cao năng lực máy móc thiết bị công. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo lãi suất quy định từng thời điểm của ngân hàng. Tài sản thế chấp khoản vay chính là tài sản được hình thành trên khoản vay và khoản vay theo Hợp đồng số 01/2016/6863256 ngày 04 tháng 2/2016; sửa đổi bổ sung ngày 15/02/2016 với NH TMCP Đầu tư và phát triển VN chi nhánh Đông Đô để mua máy móc thiết bị với thời hạn vay 36 tháng, lãi vay 10%/năm áp dụng đến ngày 01/7/2016, điều chỉnh 6 tháng/ lần.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 6455.19.002.966899.TD ngày 11/3/2019 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sở Giao dịch 1 và CTCP Fecon

Hạn mức cấp tín dụng bao gồm: Hạn mức cho vay 290 tỷ, hạn mức thấu chi 10 tỷ, hạn mức bảo lãnh 700 tỷ, hạn mức LC 50 tỷ; Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 27/02/2020; Lãi suất gồm lãi suất cố định theo từng khế ước nhận nợ và lãi suất thả nổi theo thị trường; Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ của khách hàng theo hợp đồng này là Sản lượng dở dang/ Quyền đòi nợ/ Khoản phải thu từ phương án MB tài trợ; Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa theo quy định của MB từng thời kỳ.

(3) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3938/18MB/HĐTD ngày 02/7/2018 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội và CTCP FECON; Số tiền vay 18 tỷ đồng; Mục đích cho vay để bù đắp tiền thuê đất theo hợp đồng số 47/HĐ-CN-A THB ngày 19/5/2018 để thuê lại đất làm xưởng sửa chữa thiết bị máy móc nội bộ; Thời hạn vay 36 tháng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 05/7/2018 sửa đổi giá trị tài sản thế chấp, giá trị 23.613.525.000 đồng.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0619/HDCHM/VPB-FECON ngày 08/7/2019 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và CTCP Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 200 tỷ; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ; Biện pháp bảo đảm theo các văn bản thỏa thuận giữa 2 bên.

(5) Hợp đồng tín dụng số 346442819 ngày 30/9/2019 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và CTCP Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ; Mục đích cấp tín dụng: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động; Thời hạn cấp 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Tài sản bảo đảm là Quyền phải thu từ các Hợp đồng kinh tế cụ thể do VIB tài trợ (ngoại trừ các đối tác: Bitexco, Cienco, Công ty Nam Cường, các đối tác có vốn/Công ty mẹ thuộc sở hữu Trung Quốc, Đài Loan. Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với hạn mức bảo lãnh dự thầu =< 30.000 triệu đồng, hạn mức bảo lãnh bảo hành =< 10.000 triệu đồng.

(6) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2019.01177 ngày 26/7/2019 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty cổ phần Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 120 tỷ đồng bao gồm dư nợ các khoản vay ngắn hạn và số dư bảo lãnh, trong đó mức dư nợ tối đa là 60 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 7%/năm; Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm có liên quan đã được giao kết và đăng ký biện pháp bảo đảm (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng.

(7) Hợp đồng hạn mức tín dụng 318/2019/HĐHMTD/PVB.HAN-FECON ngày 18/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội; Hạn mức cấp tín dụng 300 tỷ đồng; Hạn mức cấp bảo lãnh tối đa 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh.; Hợp đồng cấp tín dụng số 41/19/CTD/FECON ngày 20/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long và CTCP Fecon; Giới hạn cấp tín dụng 60 tỷ đồng; Tài sản, biện pháp bảo đảm gồm: Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành theo biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 25/09/2019 của Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐTCXD.FECON-MĐ (bao gồm giá trị bảo hành) giữa Bên được cấp tín dụng với Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức về việc thi công gói thầu Cung cấp và thi công cọc PHC (khu vực nhà sơn) công trình Nhà máy ô tô Vinfast. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành theo biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 31/08/2019 của Hợp đồng thi công xây dựng số 35/2015/G6/TV-LH giữa Bên được cấp tín dụng với Công ty TNHH Một thành viên 17 về việc thi công cọc cát đường kính 0.4m dự án Lạch Huyện- Đường cầu nối Tân Vũ, Lạch Huyện. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành từ các dự án do Ngân Hàng tài trợ vốn và/ hoặc các dự án khác đủ điều kiện nhận tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân Hàng. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các dự án do Ngân Hàng tài trợ vốn. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố một phần cổ phiếu chưa niêm yết của Bên được cấp tín dụng tại Công ty Cổ

phần Năng lượng Fecon. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố toàn bộ cổ phiếu chưa niêm yết của Bên được cấp tín dụng tại Công ty CP Hoàng Vương Hưng Yên sau khi hoàn thành thủ tục góp vốn. Tỷ lệ cấp tín dụng/ Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố Tài sản bảo đảm nhóm A và Bất động sản tại đô thị đáp ứng điều kiện nhận của Ngân Hàng, trong đó Tài sản nhóm A theo quy định của Ngân Hàng gồm: Sổ tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi do Ngân Hàng phát hành, số dư trên tài khoản của Bên được cấp tín dụng mở tại Ngân Hàng (PVcombank); Chứng chỉ nợ khác do PVcombank phát hành; Sổ tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi, số dư trên tài khoản của Bên được cấp tín dụng thuộc danh sách và trong hạn mức được PVcombank chấp thuận do Ủy ban Quản lý rủi ro ban hành trong từng thời kỳ; Trái phiếu Chính Phủ; Tiền mặt VND và ngoại tệ là USD và EUR và ngoại tệ khác theo quyết định của PVcombank trong từng thời kỳ; Vàng đủ tiêu chuẩn lưu hành; Các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Bên được cấp tín dụng.

'(8) Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành Trái phiếu số 12/2019/VCBS-TVTCND ngày 02/12/2019 giữa Công ty cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; 'Mệnh giá Trái phiếu 100 triệu đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn Trái phiếu dự kiến tối đa 12 tháng; Khối lượng Trái phiếu phát hành 1.000 Trái phiếu; Tổng giá trị Trái phiếu phát hành 100 tỷ đồng; 'Thông báo số 186/2019/VCBS-TVTCND ngày 24/12/2019 của Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam v/v thông báo danh sách Nhà đầu tư mua Trái phiếu; Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Tổ chức phát hành và Đại lý nhận tài sản đảm bảo là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

(9) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2019/HDMB/MSB-FCN ngày 28/3/2019 giữa CTCP FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 100.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 100 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Tháng 3,6,9,12 kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 10% giá trị Trái phiếu phát hành tương đương 10 tỷ/đợt; Tháng 15, 18, 21, 24 kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 15% giá trị Trái phiếu phát hành tương đương 15 tỷ/đợt; Kỳ thanh toán lãi Trái phiếu: hàng tháng; Lãi suất Trái phiếu bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng VCB, BIDV, Viettinbank và Agribank cộng lãi biên 3,5%/năm; Kỳ hạn Trái phiếu 24 tháng. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ phiếu niêm yết của CTCP Fecon và 4,1 triệu cổ phiếu của CTCP Khoáng sản Fecon.

(10) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2019 là: 1.935.768,86 USD và phát sinh tăng trong năm là do công tác đánh giá lại theo tỷ giá của ngày cuối năm.

5.20. Trái phiếu phát hành

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu						
a. Trái phiếu phát hành						
- Phát hành theo mệnh giá	-			279.187.288.497		
+ Trái phiếu chuyển đổi giữa Công ty và Công ty Japan South East Asia Growth Fund L. p) (1)				279.187.288.497	6%	3 năm
Tổng	-			279.187.288.497		

(1) Hợp đồng Trái phiếu chuyển đổi giữa Japan South East Asia Growth Fund L.P. và Công ty Cổ phần FECON ngày 24 tháng 05 năm 2014.

Số lượng: 195.585 Trái phiếu; **Mệnh giá:** 1.000.000 VND/TP; **Tổng mệnh giá:** 195.585.000.000 VND; **Lãi suất:** 6,0%/năm; **Thời hạn** 3 năm.

(2) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/HĐTP/VCBS-FCN giữa Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 09/06/2015

Số lượng: 100.000 TP

Mệnh giá: 1000.000 VND/TP

Tổng mệnh giá: 100.000.000.000 VND

Mục đích sử dụng số tiền thu được: Đầu tư mua máy móc thiết bị; Đầu tư liên kết hợp tác với các đối tác cùng ngành; Góp vốn thành lập doanh nghiệp chuyên sâu về công trình ngầm; Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: 6,0%/năm

Thời hạn: 3 năm

5.21. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	543.529.160.000	120.738.363.821	48.312.711.503	177.111.033.102	128.906.463	266.643.321.450	230.602.241.953	1.387.065.738.292
Tăng vốn	355.000.000.000	164.999.505.574	-	-	-	-	-	519.999.505.574
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	246.237.073.639	-	246.237.073.639
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu	44.916.460.000	-	-	-	-	(44.916.460.000)	-	-
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(44.936.456.000)	-	(44.936.456.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.611.560.187	300.337.701	(20.611.560.187)	-	300.337.701
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	-	(2.629.209.418)	-	(2.629.209.418)
Thù lao HĐQT thành viên không chuyên trách	-	-	-	-	-	(2.480.000.000)	-	(2.480.000.000)
Trích thưởng HĐQT&BKS năm 2017	-	-	-	-	-	(1.676.689.265)	-	(1.676.689.265)
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	(179.902.595)	-	(179.902.595)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/Giảm trong năm	-	-	-	21.796.295.149	-	(88.610.654.501)	(100.671.875.355)	(167.486.234.707)
Số dư tại 31/12/2018	943.445.620.000	285.737.869.395	48.312.711.503	219.518.888.438	429.244.164	306.839.463.123	129.930.366.598	1.934.214.163.221
Số dư tại 01/01/2019	943.445.620.000	285.737.869.395	48.312.711.503	219.518.888.438	429.244.164	306.839.463.123	129.930.366.598	1.934.214.163.221
Tăng vốn	195.031.800.000	132.468.200.000	(48.312.711.503)	-	-	-	-	279.187.288.497
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	200.579.439.049	10.981.525.601	211.560.964.650
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.911.510.000	-	-	-	-	(56.911.510.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng năm 2018	-	-	-	-	-	(20.456.912.083)	-	(20.456.912.083)
Trích lập các quỹ	-	-	-	61.370.736.248	-	(61.370.736.248)	-	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(56.936.231.000)	-	(56.936.231.000)
Truy thu, phạt thuế theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	-	-	(4.748.156.618)	-	(4.748.156.618)
Tặng/Giảm trong năm hợp nhất	-	-	-	4.437.635.679	(93.416.811)	(6.250.537.086)	114.918.109.050	113.011.790.832
Số dư tại 31/12/2019	1.195.388.930.000	418.206.069.395	-	285.327.260.365	335.827.353	300.744.819.137	255.830.001.249	2.455.832.907.499

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	943.445.620.000	543.529.160.000
Vốn góp tăng trong năm	251.943.310.000	399.916.460.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.195.388.930.000	943.445.620.000
Cổ tức	56.936.231.000	89.852.916.000
Trích lập quỹ	61.370.736.248	76.544.068.408

c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.538.893	9.434.456
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	119.538.893	9.434.456
Cổ phiếu phổ thông	119.538.893	9.434.456
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.538.893	9.434.456
Cổ phiếu phổ thông	119.538.893	9.434.456
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	111.652.820.242	372.044.559.321
Doanh thu xây lắp	2.922.409.983.558	2.468.724.979.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.588.671.215	5.515.031.193
Tổng	3.091.651.475.015	2.846.284.569.828

5.23. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán	97.831.557.540	336.461.969.903
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.515.813.775.124	2.077.348.146.948
Giá vốn của dịch vụ	43.225.858.583	4.172.217.058
Tổng	2.656.871.191.247	2.417.982.333.909

5.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.439.882.461	10.277.675.140
Doanh thu bán khoản đầu tư	193.894.920.000	311.119.324.940
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.796.149	12.017.732
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.541.673.035	1.122.270.451
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.765.122.000	11.228.885.000
Tổng	210.658.393.645	333.760.173.263

5.25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	83.054.243.144	91.154.672.479
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	690.936.991	
Giá vốn thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	94.238.280.000	247.737.122.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	209.534.003	2.259.248.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.217.693.864	5.967.941.208
Chi phí tài chính khác	2.617.313	298.611.110
Tổng	179.413.305.315	347.417.595.990

5.26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí bán hàng	18.934.170.307	13.306.299.541
Chi phí nhân viên	9.889.515.454	8.058.063.778
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	674.354.535	125.228.472
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	51.692.063	138.438.135
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.162.657	29.434.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.909.197.956	4.632.040.815
Chi phí bằng tiền khác	3.328.247.642	323.094.273
Chi phí quản lý	165.465.268.422	129.359.192.171
Chi phí nhân viên quản lý	92.392.227.622	74.012.104.560
Chi phí vật liệu quản lý	1.288.013.759	1.217.665.132
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.432.174.108	4.398.835.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.607.777.269	8.069.665.934
Thuế phí và lệ phí	7.133.984.535	5.423.285.981
Chi phí dự phòng	(2.953.717.250)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.416.057.797	23.173.292.923
Chi phí bằng tiền khác	17.148.750.582	13.064.342.565
Tổng	184.399.438.729	142.665.491.712

5.27 Thu nhập khác /Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	-	28.265.508.808
Thu tiền bồi thường	13.840.000	127.249.392
Thu nhập từ việc mua rẻ công ty con	-	25.690.487.445
Thu từ hội nghị Geotech	4.509.528.412	-
Các khoản khác	5.370.091.158	2.638.591.906
Tổng	9.893.459.570	56.721.837.551
Chi phí khác		
Chi từ hội nghị Geotech	3.425.856.019	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý	3.051.785.278	17.113.882.399
Xử lý kiểm kê	-	150.064.434
Phạt vi phạm hợp đồng	1.328.633.693	1.181.597.083
Phạt an toàn lao động	218.200.000	-
Chi phí nộp phát thuế và phạt vi phạm hành chính	4.486.889.886	1.333.615.276
Chi phí khác	1.957.013.143	1.901.212.654
Tổng	14.468.378.019	21.680.371.846
Lợi nhuận khác	(4.574.918.449)	35.041.465.705

5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	63.733.225.003	55.019.824.727
Tổng	63.733.225.003	55.019.824.727

5.29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	211.560.964.650	248.699.371.373
Lợi ích của cổ đông thiểu số	10.981.525.601	2.462.297.734
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	200.579.439.049	246.237.073.639
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	107.663.680	83.267.527
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.863	2.957

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.566.890.778.167	1.573.364.125.110
Chi phí nhân công	274.160.508.479	213.879.635.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.711.319.780	73.746.872.664
Chi phí dự phòng	-	880.812.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.407.273.564.577	552.677.571.206
Chi phí khác bằng tiền	185.894.222.644	122.923.699.923
Tổng	3.508.930.393.647	2.537.472.716.930

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	13.359.068.525	538.947.161
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	-	1.430.045.760
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	1.660.945.000	
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	82.033.609	18.887.018
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	24.894.641	80.285.056
Phải thu cho vay			
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	91.300.000.000	-
Người mua ứng tiền trước			
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết		20.761.761.500
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	139.618.370.982	161.529.488.758
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	25.369.918.143	-
Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật, hạ tầng Golden earth	Công ty đầu tư khác	1.500.081.220	15.750.000
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon	Công ty đầu tư khác	-	2.885.916.000
Phải trả, phải nộp khác			
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết		5.930.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	28.973.901.476	141.415.484.647
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	7.977.323.042	4.318.252.116
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng Golden Earth	Công ty đầu tư khác	212.490.073	-
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	1.509.950.000	
Các giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	170.701.016.332	532.028.093.803
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng Golden Earth	Công ty đầu tư khác	1.363.710.200	-
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	28.433.315.467	-
Lãi vay			
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	13.849.014	-
Lãi cho vay			
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	3.350.268.493	-

6.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán 31/12/2019, Ngày 20/1/2020 Công ty có Nghị quyết Hội đồng quản trị thành lập Công ty cổ phần Năng lượng Côn Đảo (Công ty cổ phần FECON nắm giữ 20% vốn điều lệ, Vốn điều lệ 100 tỷ).

6.3. Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH



Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm Cao

A. Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mê Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

T. (+84) 24 62690481
F. (+84) 24 62690484

E. info@fecon.com.vn
www.fecon.com.vn